

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022, NHIỆM KỲ 2022-2027

- Thời gian: 08h00 ngày 30/6/2022 (Thứ Năm)
- Địa điểm tổ chức Đại hội: Số 109A Trần Văn Dư, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
07h30 - 08h00	<ul style="list-style-type: none"> - Đón tiếp khách mời, cổ đông đăng ký tham dự, phát thẻ biểu quyết và tài liệu Đại hội. - Thống kê số cổ đông, số cổ phần dự Đại hội. - Ổn định tổ chức, thông báo đủ điều kiện khai mạc Đại hội. 	Ban Tổ chức
08h00 - 08h15	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông. - Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội. - Bầu đoàn chủ tịch, đoàn thư ký Đại hội. - Bầu Ban kiểm phiếu. 	Ban Tổ chức
08h15 - 08h20	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chương trình Đại hội. 	Ông Đinh Quang Nhân - TV. HĐQT
08h20 - 08h30	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 5 năm, nhiệm kỳ 2017-2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm nhiệm kỳ 2022-2027. 	Bà Lại Thị Bảy Chủ tịch HĐQT
08h30 - 09h00	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thông qua Dự thảo sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. - Đại hội thảo luận thông qua tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và các Quy chế. 	Bà Lại Thị Bảy Chủ tịch HĐQT
09h00 - 09h05	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán, báo cáo phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2021; 	Kế toán trưởng
09h05 - 09h15	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và nhiệm kỳ 2017-2022, kế hoạch hoạt động năm 2022 và nhiệm kỳ II (2022-2027). 	Ông Nguyễn Thanh Dương - TV. HĐQT
09h15 - 09h20	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và nhiệm kỳ 2017-2022, kế hoạch hoạt 	Trưởng Ban Kiểm soát

	động năm 2022 và nhiệm kỳ 2022-2027; thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.	
09h20 - 09h30	- Thông qua Tờ trình về việc trích các quỹ năm 2021; mức chi trả cổ tức năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022. - Thông qua Tờ trình về chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021. Mức chi trả thù lao thành viên BKS năm 2022.	Ông Đinh Quang Nhẫn - TV. HĐQT
09h30 - 09h40	- Thông qua Quy chế bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027, lấy biểu quyết thông qua. - Thông qua Tờ trình và danh sách ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.	Ông Nguyễn Thanh Dương - TV. HĐQT
09h40 - 10h00	- Hướng dẫn bầu cử và tổ chức bầu cử Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.	Ban kiểm phiếu
10h00 - 10h10	Đại hội nghỉ giải lao	Đoàn Chủ tịch
10h10 - 10h30	- Phát biểu của Đại diện cơ quan quản lý vốn Nhà Nước (Công ty Đông Hải). - Phát biểu đáp từ. - Đại hội thảo luận các báo cáo và các tờ trình. - Kết luận.	Đại diện Công ty Đông Hải CT. HĐQT Công ty
10h30 - 10h40	- Công bố kết quả kiểm phiếu bầu Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.	Ban kiểm phiếu
10h40 - 10h45	- Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 ra mắt Đại hội.	HĐQT, BKS
10h45 - 11h00	- Họp HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT	Hội đồng Quản trị
11h00 - 11h10	- Biểu quyết thông qua nội dung chủ yếu của các báo cáo và các tờ trình.	Ông Đinh Quang Nhẫn - TV. HĐQT
11h10 - 11h15	- Thông qua Nghị quyết và Biên bản Đại hội.	Ban thư ký
11h15	Bế mạc Đại hội.	Ban Tổ chức

BAN TỔ CHỨC

Tân Bình, ngày 09 tháng 6 năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
NHIỆM KỲ 2022-2027

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2022-2027 (gọi tắt là: Đại hội) của Công ty Cổ phần Dệt May 7 (gọi tắt là Công ty).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền của cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Dệt May 7 (Có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 07/6/2022) và những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền của các cổ đông

- Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

- Được biểu quyết theo quy định tại Điều 10 của quy chế này.

- Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi đến tham dự Đại hội, được thông báo công khai chương trình Đại hội, dự thảo văn kiện Đại hội. Những ý kiến của các cổ đông hoặc đại diện cổ đông với Đại hội sẽ được thảo luận tại Đại hội.

- Được nhận tài liệu họp, phiếu biểu quyết có ghi mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình. Giá trị biểu quyết của cổ đông tương ứng với tỉ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của mình sở hữu hoặc đại diện cổ đông đã đăng ký với Ban tổ chức.

- Cổ đông đến sau khi Đại hội khai mạc, có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội nhưng Chủ tọa đoàn không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của các cổ đông

- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi đến tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (*Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu*), thông báo thực hiện



quyền tham dự Đại hội; Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền) và hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

- Nghiêm túc chấp hành nội quy Đại hội và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ đón tiếp cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến dự họp, phát các tài liệu và phiếu biểu quyết.

2. Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Ban thư ký Đại hội

1. Thành viên Đoàn Chủ tịch do Ban tổ chức giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa.

2. Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính quyết định.

3. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận. Đoàn Chủ tịch được quyền tiến hành các công việc để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Đoàn Chủ tịch Đại hội cũng có thể hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến của Đại hội hoặc:

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5. Ban thư ký gồm 02 người do Đoàn chủ tịch đề cử, có nhiệm vụ ghi chép Biên bản Đại hội một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông hoặc đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội; Dự thảo và trình bày trước Đại hội về Nghị quyết và Biên bản Đại hội.

6. Ban kiểm phiếu gồm 05 người do Đoàn Chủ tịch đề cử và Đại hội biểu quyết thông qua có nhiệm vụ tổng hợp kết quả biểu quyết từng nội dung của Đại hội; chuẩn bị hòm phiếu, hướng dẫn ghi phiếu; tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu bầu Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 và báo cáo kết quả trước Đại hội; thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn Chủ tịch.

Chương III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội

Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ được tổ chức một buổi. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung của Đại hội.

1. Báo cáo kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
2. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.
3. Thông qua Quy chế bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027
4. Bầu Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội.
5. Thông qua Chương trình Đại hội.
6. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2017-2022 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2027.
7. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021.
8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017-2022, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2022-2027.
9. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2022-2027.
10. Thông qua Tờ trình phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
11. Thông qua Tờ trình phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
12. Thông qua Tờ trình phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty.
13. Thông qua Tờ trình phê duyệt Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
14. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2022.
15. Tờ trình về việc thông qua mức trích các quỹ năm 2021, mức chi trả cổ tức năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022.
16. Báo cáo về việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và dự kiến năm 2022.
17. Thông qua kết quả bầu cử Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.
18. Nghị quyết Đại hội.
19. Biên bản Đại hội.

Điều 10. Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết
 - Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện (Trừ việc bầu HĐQT và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022-2027).



- Việc bầu Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 thực hiện theo Quy chế bầu cử HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

2. Thể lệ biểu quyết

a) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết, được thực hiện đối với các nội dung: Thông qua chương trình họp, Quy chế làm việc của Đại hội, đề cử Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu, thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022-2027, danh sách ứng viên tham gia bầu Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022-2027, các báo cáo, tờ trình trình Đại hội, nghị quyết, biên bản của Đại hội và các vấn đề khác được chủ tọa đề nghị. Các cổ đông tham dự Đại hội đều phải biểu quyết công khai và trực tiếp theo sự điều hành của Ban tổ chức và Đoàn chủ tịch Đại hội và chỉ sử dụng phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát hành.

b) Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu.

c) Khi đăng ký tham dự Đại hội, Ban tổ chức sẽ phát cho mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết để biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội. Trên mỗi phiếu biểu quyết có ghi mã số biểu quyết và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, tên cổ đông. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu do Công ty in phát hành theo mẫu thống nhất, có đóng dấu Công ty vào góc bên trái phiếu; phiếu không bị tẩy xóa, cạo sửa.

- Việc biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết để thông qua các nội dung trên được tiến hành theo thể lệ sau đây:

d) Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, Ban tổ chức sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:

- + Lần thứ nhất: Biểu quyết đồng ý.
- + Lần thứ hai: Biểu quyết không đồng ý.
- + Lần thứ ba: Biểu quyết không có ý kiến.

đ) Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông chỉ được biểu quyết 01 lần (đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến) đối với cùng một vấn đề biểu quyết tại Đại hội. Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu.

e) Các nội dung tại Đại hội được biểu quyết thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

g) Việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành bằng cách giơ phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số phiếu đồng ý trước, sau đó đếm số phiếu không đồng ý và cuối cùng đếm số phiếu không có ý kiến. Kết quả biểu quyết được tổng hợp và công bố ngay sau khi mỗi lần biểu quyết, gồm các nội dung sau:

- Số phiếu biểu quyết đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến khác.
- Tỷ lệ % tương ứng với số phiếu.

h) Tại thời điểm tiến hành lấy ý kiến biểu quyết, nếu cổ đông đi ra ngoài khu vực tổ chức Đại hội và không tham gia biểu quyết được xem như không có ý kiến với nội dung cần biểu quyết.

Điều 11. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội

1. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận bằng cách giơ cao phiếu biểu quyết và khi được sự đồng ý của Chủ tọa mới được phát biểu. Thời lượng cho mỗi cổ đông phát biểu không quá 5 phút, nội dung ý kiến của cổ đông cần tập trung vào các vấn đề chính, không lặp lại nội dung của cổ đông khác; khi đủ 5 phút chủ tọa sẽ dừng phát biểu để chuyển cho cổ đông khác.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua.

Chương IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký Đại hội ghi vào biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này gồm 5 chương 13 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông và các thành viên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, TCHC. Th131.



Lại Thị Bảy



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM NHIỆM KỲ
2017-2022 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH
5 NĂM NHIỆM KỲ 2022-2027

Phần I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
5 NĂM NHIỆM KỲ 2017-2022

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nhiệm kỳ 2017 – 2022, Đảng ủy, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc (ĐU, HĐQT, BGD) Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (SXKD) trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và khu vực có những yếu tố thuận lợi, khó khăn đan xen, diễn biến khó lường; các hiệp định thương mại Việt Nam và liên minh kinh tế Á-Âu (FTA) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (CP.TPP) được ký kết và có hiệu lực tạo cơ hội cho ngành dệt may Việt Nam mở rộng thị trường, phát triển nhanh hơn. Ngành dệt may Việt Nam tuy có nhiều cơ hội nhưng cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức, áp lực cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ từ các nước trong khu vực. Tình hình trong nước và địa bàn Quận khu những năm qua kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, QP-AN ổn định và phát triển. Tuy nhiên, còn nhiều khó khăn, phức tạp, nạn hàng gian, hàng giả chưa được ngăn chặn và đẩy lùi; Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần giai đoạn đầu còn không ít khó khăn (Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần từ ngày 03/7/2017).

Giá cả một số mặt hàng thiết yếu và nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất như hóa chất, sợi diễn biến thất thường. Thời tiết thiên tai, lũ lụt, diễn ra phức tạp, khó lường. Năm 2020, 2021, Công ty thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện tình hình chiến tranh thương mại Mỹ-Trung và chiến tranh Nga-Ukraine, dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên phạm vi toàn cầu, đã tác động lên toàn bộ nền kinh tế thế giới, trong nước, nhất là ngành dệt may và diễn biến phức tạp, kéo dài dẫn đến việc nhập nguyên, nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất gặp nhiều khó khăn do khan hiếm và tăng giá, sức tiêu thụ hàng hóa giảm làm ảnh hưởng không ít đến quá trình tổ chức hoạt động, hiệu quả SXKD của Công ty và đời sống của người lao động, song với sự đoàn kết, thống nhất cao trong Đảng ủy, HĐQT, BGD đã lãnh đạo, chỉ đạo Công ty khắc phục khó khăn, tìm mọi giải pháp để hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, kế hoạch được giao hàng năm.

Bên cạnh đó, Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quận khu, Thường vụ Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc Công ty Đông Hải, sự hướng dẫn của các cơ quan nghiệp vụ cấp trên và sự chủ động, tích cực của Đảng ủy, HĐQT Công ty và các đơn vị trực thuộc đã tập trung đầu tư



chiều sâu khâu dệt, nhuộm và thực hiện mở rộng thị trường, tổ chức sản xuất kinh doanh đúng hướng, hiệu quả, gắn nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với thực hiện nhiệm vụ QS-QP, đẩy mạnh công tác TĐKT và phong trào thi đua Quyết thắng, xây dựng đơn vị đoàn kết, ổn định về mọi mặt, đội ngũ cán bộ, công nhân viên và người lao động yên tâm công tác xác định tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng Đảng bộ TSVM, đơn vị VMTD trong những năm qua.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM NHIỆM KỲ 2017-2022

Công ty triển khai tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch SXKD đạt hiệu quả cao bảo đảm đúng pháp luật, đúng chủ trương, chức năng, ngành nghề, từng bước phát triển bền vững; tập trung tiến hành nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm dệt may đảm bảo nhu cầu của Quốc phòng và tham gia thị trường. Tổ chức SXKD chặt chẽ, chủ động, sáng tạo khai thác mọi nguồn lực, mở rộng và đẩy mạnh hoạt động SXKD có hiệu quả. Bằng những giải pháp đúng đắn và sự chủ động linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, cùng với sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực của cán bộ, CNV, người lao động đã cùng nhau vượt qua khó khăn, thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, cùng với sự đồng hành của các Quý vị Cổ đông đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 5 năm nhiệm kỳ 2017-2022. Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, tiền thưởng cho người lao động bảo đảm dân chủ, công bằng, công khai, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, Bộ Quốc phòng và nộp cổ tức về Công ty Đông Hải đúng quy định. Hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng pháp luật. Kết quả SXKD đạt được cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
I.	Kết quả SXKD năm 2017			
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	762.942	763.006	100,0
2	Lợi nhuận (trước thuế)	52.625	40.118	76,2
3	Nộp ngân sách	57.779	41.930	89,9
4	Chi trả cổ tức năm 2017	5%	5,80%	116,0
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	3.929	4.559	116,0
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	9.000.000đ	13.753.861đ	152,8
II.	Kết quả SXKD năm 2018			
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	763.502	764.082	100,1
2	Lợi nhuận (trước thuế)	50.000	50.202	100,4
3	Nộp ngân sách	45.727	37.022	81,0
4	Chi trả cổ tức năm 2018	10%	12%	120,0
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	7.860	9.432	120,0
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	10.500.000đ	11.392.163đ	108,5
III.	Kết quả SXKD năm 2019			
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	786.921	794.893	101,0
2	Lợi nhuận (trước thuế)	53.716	54.109	100,7
3	Nộp ngân sách	41.072	40.377	98,3
4	Chi trả cổ tức năm 2019	12%	14,7%	122,5
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	9.432	11.606	123,0

6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	11.400.000đ	11.548.589đ	101,3
IV. Kết quả SXKD năm 2020				
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	858.605	863.066	100,5
2	Lợi nhuận (trước thuế)	58.438	58.751	100,5
3	Nộp ngân sách	43.398	35.207	81,1
4	Chi trả cổ tức năm 2020	12%	15,9%	132,5
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	9.432	12.486	132,4
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	11.600.000	12.619.857	108,8
V. Kết quả SXKD năm 2021				
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	831.196	831.196	100,0
2	Lợi nhuận (trước thuế)	63.450	63.472	100,0
3	Nộp ngân sách	43.294	42.018	97,1
4	Chi trả cổ tức năm 2021	12%	17%	141,7
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	9.432	13.361	141,7
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.000.000	13.200.018	101,5

Bên cạnh những kết quả SXKD đạt được, trong 5 năm 2017-2022, Đảng ủy, HĐQT, BGĐ Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt một số mặt công tác sau:

1. Tổ chức quán triệt sâu sắc, triển khai toàn diện trên các mặt công tác, gắn hoạt động SXKD với phong trào thi đua Quyết thắng tại đơn vị theo đúng chủ trương “*Làm kinh tế đạt hiệu quả, đúng pháp luật, an toàn, đoàn kết, nghĩa tình, bảo đảm chủ quyền, gắn kinh tế với quốc phòng, phát triển đúng hướng và vững chắc*”. Tuy bị tác động không ít do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên toàn cầu, nhất là ngành dệt may, song Đảng ủy, HĐQT, BGĐ cùng với tập thể CB, CNV, NLD nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, chủ động tìm kiếm đối tác, khai thác mọi nguồn lực sẵn có để mở rộng sản xuất kinh doanh. Tập trung đẩy mạnh phong trào thi đua “*Năng suất, chất lượng, hiệu quả, an toàn, đoàn kết, đúng pháp luật*”, kết hợp chặt chẽ giữa SXKD, làm kinh tế với đảm bảo Quốc phòng - An ninh gắn với thực hiện mô hình đơn vị 3 nhất “*Hoàn thành nhiệm vụ chính trị xuất sắc nhất; kỷ luật nghiêm nhất; cơ quan đơn vị an toàn nhất*”. Tích cực chủ động tìm kiếm việc làm, đầu tư đổi mới công nghệ, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững thương hiệu Dệt May 7 trên thị trường.

2. Tập trung nghiên cứu thực hiện tốt công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc, trang thiết bị theo đúng quy trình, đúng pháp luật, theo quy định của Bộ Quốc phòng, Quân khu và Công ty Đông Hải mang lại hiệu quả cao trong sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài Quân đội. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Công ty đã triển khai đầu tư MMTB, xây dựng cơ bản với tổng giá trị là 196,826 tỷ đồng, từ nguồn khấu hao và vốn tự có của Công ty, cụ thể:

DVT: Đồng

TT	Tên công trình, Máy móc trang thiết bị	Số lượng	Giá trị
I. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017			8.779.957.788đ
1	Máy hấp Flash Ager - Italy	1	8.012.267.900đ

2	Máy nén khí trục vít ngâm dầu Z375	1	280.182.000đ
3	Máy may lập trình CN Brother Bas	1	252.858.000đ
4	Máy đo màu quang phổ Xrite C160	1	155.539.888đ
5	Cân phân tích độ ẩm MA 160-1	1	55.000.000đ
6	Máy rửa bề mặt vải và thùng quay vải	1	9.600.000đ
7	Lệ phí trước bạ xe Hyundai	1	14.510.000đ
II. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018			1.157.290.909đ
1	Cân điện tử kỹ thuật số 60 tấn	1	350.000.000đ
2	Xe nâng hiệu Toyota SD7	1	115.000.000đ
3	Máy gấp vải DP-BT-K2200	1	220.000.000đ
4	Máy đo màu quang phổ Xrite Ci60	2	263.200.000đ
5	Xe nâng hiệu Toyota FD25	1	209.090.909đ
III. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019			11.225.935.364đ
1	Máy hấp Vapo2015 - Italy	1	10.404.375.000đ
2	Máy photo Ricoh MP2501SP	1	55.800.000đ
3	Xe ô tô tải Isuzu trắng	1	483.636.364đ
4	Máy đo màu quang phổ Xrite CI60	1	110.000.000đ
5	Máy may lập trình JK-DH-12080-S12	1	172.124.000đ
IV. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020			86.992.190.704đ
1	Xây dựng nhà xưởng dệt (giai đoạn 1)	1	20.372.583.635đ
2	Xây dựng nhà xưởng dệt (giai đoạn 2)	1	20.212.578.123đ
3	Máy dệt khí TOYOTA (20 máy)	20	24.043.076.880đ
5	Hệ thống điều không thông gió	1	11.094.651.590đ
6	Máy nén khí (giai đoạn 1)	1	6.005.818.182đ
8	Thang máy tải hàng	3	2.440.189.091đ
9	Máy khuấy hồ in	1	69.000.000đ
10	Máy may lập trình	1	164.053.500đ
11	Nhà trạm điện, nhà để bơm hệ thống PCCC	1	506.348.794đ
12	Máy vắt ly tâm	1	1.464.050.000đ
13	Máy xả xoắn	1	460.750.000đ
14	Xe xúc than (máy xúc lật)	1	159.090.909đ
V. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021			88.670.677.451đ
1	Máy mắc đồng loạt, máy hồ sợi	1	22.399.726.292đ
2	Máy nén khí (giai đoạn 2)	1	3.590.000.000đ
3	Máy dệt khí TOYOTA giai đoạn 2 (Đợt 1)	26	31.016.161.696đ
4	Máy dệt khí giai đoạn 2 (Đợt 2)	20	25.732.245.800đ
5	Máy nối sợi	1	896.083.500đ
6	Máy phát điện	1	1.228.800.000đ
7	Máy may lai 1 kim Juki	2	254.138.000đ
8	Xe Toyota Fortuner	1	1.241.981.818đ
9	Hệ thống hút bụi máy hồ	1	477.813.000đ
10	Hệ thống lọc nước tinh khiết	1	103.500.000đ
11	Máy khử khuẩn	1	133.000.000đ
12	Xe xúc than	1	500.000.000đ
13	Xe nâng dầu	1	576.000.000đ
14	Xe nâng điện 3 tấn	1	190.000.000đ
15	Máy cắt hơi (Máy Nhật đã qua sử dụng)	1	37.000.000đ
16	Máy chà san Korcher	1	54.454.545đ

17	Hệ thống màn hình Led phòng họp	1	239.772.800đ
++	Tổng cộng công tác đầu tư XDCB 2017-2021		196.826.052.216đ

3. Lãnh đạo thực hiện tốt việc quản lý, thu chi tài chính trong toàn Công ty, bảo đảm luôn được giám sát chặt chẽ, đúng nguyên tắc, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các đơn vị quyết toán các hạng mục đầu tư, sửa chữa công trình, chỉ đạo chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định; triển khai thực hiện hóa đơn điện tử trong toàn Công ty. Tập trung thu hồi công nợ, bảo toàn và phát triển vốn mang lại hiệu quả trong SXKD không để nợ xấu, nợ khó đòi phát sinh. Chấp hành và thực hiện nghiêm chế độ thanh quyết toán, kiểm toán theo đúng quy định. Quản lý và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn, đảm bảo hệ thống tài chính lành mạnh, công khai, minh bạch và đúng pháp luật; luôn bảo toàn và phát triển nguồn vốn, bảo đảm đầy đủ vốn cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB.

4. Tổ chức thực hiện tốt Cuộc vận động 50 “Quản lý, khai thác VKTB-KT tốt, bền an toàn tiết kiệm và an toàn giao thông”; quán triệt thực hiện tốt Nghị quyết 382 của ĐUQSTW, Chỉ thị 1386 của Tư lệnh Quân khu về công tác kỹ thuật trong tình hình mới; luôn đảm bảo tốt vũ khí, trang bị kỹ thuật cho nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất của đơn vị; chấp hành pháp luật, kỷ luật, Luật ATGT; bảo đảm an toàn không để xảy ra cháy, nổ, mất mát, hư hỏng trang bị kỹ thuật. Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, SA 8000: 2014, ISO 14001: 2015 trong toàn Công ty. Thực hiện tốt và phát huy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa trong SXKD, cụ thể:

- Năm 2017: Công ty có 02 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, trong đó: Sáng kiến xây dựng quy trình công nghệ in phân tán hoàn nguyên cho các thiết bị hiện có, hiệu quả tăng chất lượng hàng QP, cải thiện độ bền ánh sáng, thông thoáng khí, độ bóng đẹp của vải, được Quân khu công nhận đạt giải B. Sáng kiến lắp đặt hệ thống thu hồi nước làm nguội tro lò hơi 10 tấn/h, hiệu quả giảm chi phí, tiết kiệm lượng nước sạch trong sản xuất, được Quân khu công nhận đạt giải C.

- Năm 2018: Công ty có 02 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, trong đó: Sáng kiến cải tiến quy trình công nghệ in, hấp hoạt tính vải chéo cotton, hiệu quả giảm chi phí, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, được Quân khu công nhận đạt giải B. Sáng kiến cải tiến hệ thống Ventury lò hơi 10 tấn/h, hiệu quả kinh tế cao, tiết kiệm và làm lợi cho Công ty hàng trăm triệu đồng, được Quân khu công nhận và đạt giải nhì tuổi trẻ sáng tạo toàn quân năm 2019.

- Năm 2019: Công ty có 02 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, trong đó: Sáng kiến thiết kế, lắp ráp máy đốt lông phục vụ hàng thị trường, hiệu quả đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nhiên liệu và tiết kiệm chi phí đầu tư, được Quân khu công nhận đạt giải A. Sáng kiến cải tiến quy trình công nghệ nhuộm nền vải Xicaro Lào In P1812/3 thành phẩm, hiệu quả làm lợi về kinh tế, giảm chi phí về tiêu hao hóa chất, tăng năng suất lao động, được Quân khu công nhận đạt giải B.

- Năm 2020: Công ty có 03 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, trong đó: Sáng kiến cải tiến kỹ thuật may kéo thun trên máy vắt sỏ, hiệu quả đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, giảm công đoạn, ổn định thông số kỹ thuật, được Quân khu công nhận đạt giải A. Sáng kiến cải tiến dập lửa biên vải máy đốt lông bằng nước, hiệu quả tăng tính thẩm mỹ và nâng cao chất lượng sản phẩm, được Quân khu công nhận đạt giải B. Sáng kiến lắp đặt bồn khuấy màu

70 lít cho máy nhuộm liên tục, hiệu quả tiết kiệm chi phí, tiết kiệm màu nhuộm và hóa chất xử lý nước thải, được Quân khu công nhận đạt giải B.

- Năm 2021: Công ty có 04 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, trong đó: Sáng kiến hệ thống cấp Sud (NAOH) cho các máy liên tục, hiệu quả sử dụng dễ dàng, an toàn tiết kiệm chi phí, giảm rủi ro khi vận chuyển, chất lượng Sud đạt yêu cầu, được Quân khu công nhận đạt giải A. Sáng kiến lắp đặt quạt hút phòng máy nén khí, hiệu quả giảm nhiệt độ trong phòng máy, duy trì ổn định nhiệt độ từ 35-37⁰C, máy nén khí hoạt động ổn định, hiệu suất tăng, được Quân khu công nhận đạt giải B. Sáng kiến giá đỡ ổn định vải vào các máy, hiệu quả giảm chi phí tiêu hao nhiên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, được Quân khu công nhận đạt giải B. Sáng kiến chế tạo cử tra dây kéo ngực áo jacket, hiệu quả giảm 3 công đoạn và nhân công, sản phẩm ra đều, đẹp, năng suất tăng gấp 2 lần, hiệu quả cao, được Quân khu công nhận đạt giải B.

5. Lãnh đạo quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị 917/1999/CT-QP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Thực hiện nghiêm Đề án “Đổi mới công tác giáo dục chính trị tại đơn vị trong giai đoạn mới”, hoàn thành công tác giáo dục chính trị, phổ biến giáo dục pháp luật theo kế hoạch của Công ty Đông Hải và Quân khu. Tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng các cấp. Triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Quân khu, Đảng ủy cơ sở Công ty Đông Hải và Nghị quyết của Đảng ủy Công ty cho 100% cán bộ, CNV, người lao động góp phần định hướng tư tưởng, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức, tư tưởng, bản lĩnh chính trị, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; quyết tâm thực hiện hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; giữ gìn đạo đức lối sống, chấp hành pháp luật, kỷ luật. Duy trì “Tổ định hướng 47, Lực lượng 47” của Công ty tham gia đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị trên mạng xã hội, bảo đảm cho Công ty luôn ổn định về tư tưởng chính trị. Tổ chức học tập và triển khai viết bài thu hoạch sau học tập Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Đại hội Đảng bộ Quân khu lần thứ X và Đại hội Đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và kiểm tra chính trị cho các đối tượng hàng năm bảo đảm quân số; kết quả 100% đạt yêu cầu trong đó có 87% đạt khá, giỏi trở lên; cấp ủy viên, cán bộ chủ trì 100% đạt khá, giỏi.

6. Thực hiện và phát huy tốt quy chế dân chủ cơ sở ở các cơ quan đơn vị trực thuộc; Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, BH tai nạn 24/24, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp. Thực hiện tốt công tác quản lý và chăm lo bảo đảm tốt chế độ, tiêu chuẩn, chất lượng bữa ăn và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB, CNV, NLD đảm bảo chất lượng theo kế hoạch đề ra. Thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động. Ngoài ra còn thực hiện chăm lo tốt các chế độ, chính sách, đời sống vật chất tinh thần đối với người lao động; trong nhiệm kỳ 2017-2022 đã tổ chức cho CB, CNV, NLD đi tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng ở các địa điểm du lịch trong nước đảm bảo vui tươi, an toàn; tổ chức tốt các hoạt động ngày phụ nữ 8/3, 20/10 và gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ, công nhân viên, người lao động các dịp

hè, 1/6, với tổng giá trị hơn 8,8 tỷ đồng, góp phần để NLD yên tâm gắn bó lâu dài với công ty.

7. Bên cạnh việc tổ chức SXKD hiệu quả, công ty đã tích cực tham gia công tác chính sách - xã hội, thực hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với thực hiện phong trào thi đua “Lực lượng vũ trang Quân khu chung sức xây dựng nông thôn mới” và phong trào đền ơn đáp nghĩa công tác chính sách xã hội, chính sách hậu phương quân đội. Trong nhiệm kỳ 2017-2022, Công ty đã hỗ trợ xây dựng 47 căn nhà Đại đoàn kết (trong đó hỗ trợ 16 căn nhà đại đoàn kết cho CNV, NLD có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn) và các khoản hỗ trợ chính sách trên địa bàn với tổng giá trị là 11,270 tỷ đồng; đặc biệt trong năm 2021, Đảng ủy, HĐQT, BGD Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, thường xuyên quán triệt, triệt để chấp hành tốt các chỉ thị, quy định của cấp trên và triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch; tổ chức thực hiện chế độ “3 tại chỗ”, giãn cách theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo thông báo của UBND Tp. Hồ Chí Minh, thời gian thực hiện từ ngày 08/7/2021 đến ngày 08/9/2021. Thường xuyên quan tâm thiết thực đến đời sống vật chất, tinh thần cho CB, CNV, NLD trong thời gian thực hiện chế độ “3 tại chỗ”, bố trí nơi ăn nghỉ theo quy định phòng, chống dịch bệnh Covid-19, tạo môi trường thân ái, đoàn kết để người lao động yên tâm công tác, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD, đặc biệt là sản xuất khẩn cấp các mặt hàng, trang bị y tế theo Chỉ lệnh của Thủ trưởng TCHC, Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu và Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Tp. HCM phục vụ kịp thời cho công tác phòng, chống dịch của Quân đội và Tp. HCM. Ngoài việc chăm lo bảo đảm tốt các chế độ chính sách cho CB, CNV, NLD, thực hiện Chỉ thị của Quân khu về việc đồng hành, giúp đỡ nhân dân gặp khó khăn do đại dịch, Công ty đã chung tay góp sức, đóng góp kinh phí hỗ trợ phòng chống dịch, tặng quà giúp đỡ nhân dân gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh với tổng số tiền là 2,530 tỷ đồng, trong đó: Tham gia đồng hành cùng LLTV Quân khu trong phòng, chống dịch Covid-19 (1,54 tỷ đồng); Bệnh viện Quân y 7A mua sắm máy móc trang thiết bị y tế (299,7 triệu đồng); hỗ trợ địa phương tặng quà, giúp đỡ nhân dân gặp khó khăn do đại dịch (250 triệu đồng); hỗ trợ kiều bào Campuchia (200 triệu đồng và 2000 màn tuyn); Cục Chính trị Quân khu thăm các chốt phòng chống dịch (2000 màn tuyn); Phụ nữ Quân khu và các đơn vị 2.150 khẩu trang trong phòng chống dịch. Ngoài ra Công ty đã đầu tư mua sắm các trang thiết bị, kết hợp với công tác test sàng lọc định kỳ cho người lao động phục vụ công tác phòng chống dịch với số tiền gần 01 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện nay, Công ty bảo đảm an toàn trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Hỗ trợ nuôi dưỡng 05 trẻ em mồ côi do tác động của dịch bệnh Covid-19, bình quân mỗi cháu 01 triệu đồng, nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi thực hiện từ tháng 4/2022.

Phần II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM NHIỆM KỲ 2022-2027

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp. Kinh tế, chính trị, xã hội trong nước tiếp tục ổn định, nhưng còn nhiều

khó khăn, thách thức; thị trường ngành dẹt, may dự báo có nhiều biến động, nhiều thuận lợi đan xen với những cơ hội và tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường. Trước những thuận lợi, khó khăn trên, để kế thừa và phát huy những mặt mạnh, khắc phục các mặt còn yếu kém, duy trì và phát triển sản xuất ổn định, bền vững, Công ty cần phải tiếp tục kiện toàn, đổi mới tư duy trong công tác điều hành, lãnh đạo với quyết tâm cao, sáng tạo, nâng cao tính chủ động, khai thác có hiệu quả MMTB đã được đầu tư nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng ủy cơ sở Công ty Đông Hải, Đảng ủy BP Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và chỉ tiêu kế hoạch SXKD hàng năm, làm cơ sở để Công ty phát triển ổn định bền vững và đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao, đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, cổ đông và cán bộ, CNV, người lao động.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD 5 NĂM NHIỆM KỲ 2022-2027

Tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD hàng năm đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, luôn quán triệt chủ trương của Quân khu làm kinh tế phải có hiệu quả, bảo đảm đúng pháp luật, đúng chủ trương, chức năng, ngành nghề, đảm bảo chủ quyền, gắn kinh tế với Quốc phòng - An ninh, từng bước phát triển đúng hướng và bền vững; chủ động sáng tạo khai thác mọi nguồn lực, bảo đảm đúng chức năng ngành nghề cho phép, phấn đấu tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận bình quân hàng năm từ 8% trở lên. Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, tiền thưởng cho người lao động bảo đảm dân chủ, công bằng, công khai, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Quân khu, nộp cổ tức về Công ty Đông Hải và chia cổ tức cho cổ đông đúng quy định. Hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng pháp luật. Kế hoạch SXKD dự kiến đạt được nhiệm kỳ 2022-2027, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
I.	Kế hoạch SXKD năm 2022		
1	Tổng doanh thu thuần	897.698	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	68.526	
3	Nộp ngân sách	50.676	
4	Chi trả cổ tức năm 2022	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.200.000đ	
II.	Kết quả SXKD năm 2023		
1	Tổng doanh thu thuần	942.583	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	74.008	
3	Nộp ngân sách	51.912	
4	Chi trả cổ tức năm 2023	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.400.000đ	
III.	Kết quả SXKD năm 2024		
1	Tổng doanh thu thuần	989.712	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	79.929	

3	Nộp ngân sách	53.674	
4	Chỉ trả cổ tức năm 2024	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.700.000đ	
IV. Kết quả SXKD năm 2025			
1	Tổng doanh thu thuần	1.039.198	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	86.323	
3	Nộp ngân sách	55.777	
4	Chỉ trả cổ tức năm 2025	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	14.000.000đ	
V. Kết quả SXKD năm 2026			
1	Tổng doanh thu thuần	1.091.158	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	93.228	
3	Nộp ngân sách	57.450	
4	Chỉ trả cổ tức năm 2026	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	14.300.000đ	
VI. Kết quả SXKD năm 2027			
1	Tổng doanh thu thuần	1.145.715	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	100.686	
3	Nộp ngân sách	50.170	
4	Chỉ trả cổ tức năm 2027	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	14.600.000đ	

III. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 5 NĂM NHIỆM KỲ 2022-2027

1. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc, trang thiết bị nhằm mở rộng thị trường, giảm hao phí lao động, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tiếp tục đầu tư có chiều sâu nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng với các thiết bị công nghệ hiện đại.

2. Năm 2021, Nhà ga hành khách T3 sân bay Tân Sơn Nhất được Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư. Khi thực hiện mở đường nối nhà ga T3 – đường Cộng Hòa, nhà xưởng Nhuộm của Công ty nằm trong khu vực giải phóng mặt bằng, do đó phải quy hoạch lại nhà xưởng sản xuất và di dời MMTB của Xí nghiệp Nhuộm.

- Mục tiêu: Quy hoạch, tái bố trí mặt bằng nhà xưởng, MMTB Xí nghiệp Nhuộm khi phương án xây dựng Nhà ga T3 được triển khai; chủ động đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty bằng nguồn vốn tự có, với phương châm đầu tư đến đâu khấu hao đến đó. Tập trung đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của Quốc phòng và thị trường.

- Kế hoạch di dời và đầu tư MMTB Xí nghiệp Nhuộm

+ Mặt bằng nhà xưởng: Tổng diện tích nhu cầu dự kiến: 30.000 m² (Bao gồm: Nhà xưởng sản xuất; Văn phòng; Khu phục vụ sản xuất ...)

+ Vị trí: Các Khu công nghiệp khu vực lân cận TP.HCM

- + Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng nhà xưởng dự kiến: 150 tỷ
- + Thời gian sử dụng: Đến tháng 04/2053
- Công tác di dời: Tổ chức di dời theo cụm và các máy móc thiết bị đang hoạt động tốt;

- Chi phí di dời và xây dựng móng máy dự kiến: 20 tỷ

3. Công tác đầu tư mua sắm MMTB mới: Công ty dự kiến đầu tư máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh trong nhiệm kỳ 2022 – 2027 với tổng mức đầu tư là: 235,35 tỷ, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục đầu tư XDCB	ĐVT	Số lượng	Mức đầu tư
1	Máy nhuộm gián đoạn	Máy	7	
	- Máy công suất 2.000kg	Máy	2	39.000
	- Máy công suất 1.000kg	Máy	2	33.250
	- Máy công suất 700kg	Máy	1	12.700
	- Máy công suất 500kg	Máy	1	8.900
	- Máy mẫu công suất 50kg	Máy	1	6.400
2	Máy đốt lông	Máy	1	21.550
3	Hệ thống sản xuất vải Len			
	- Máy cào lông 1 trống	Máy	1	4.500
	- Máy xén lông	Máy	1	6.000
	- Máy định hình ướt	Máy	1	33.600
	- Máy giặt	Máy	1	14.650
	- Máy là cán	Máy	1	12.550
	- Máy hấp	Máy	1	8.650
4	Lò hơi 20 tấn/h	Lò	1	24.000
5	Dây chuyền và máy chuyên dùng cho ngành may	Bộ	1	9.600
Tổng cộng:				235.350

4. Tổng mức chi phí:

- Chi phí mặt bằng nhà xưởng : 150.000 triệu đồng
- Chi phí di dời, lắp đặt MMTB : 20.000 triệu đồng
- Chi phí đầu tư MMTB : 235.350 triệu đồng
- * Tổng cộng : 405.350 triệu đồng**

5. Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn khấu hao và Quỹ đầu tư phát triển hàng năm
- Huy động vốn bằng các hình thức:
 - + Vay vốn ngân hàng
 - + Vay vốn của các tổ chức và cá nhân, tập thể.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tiếp tục quán triệt sâu sắc và triển khai

thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, QUTW, Bộ Quốc phòng, Đảng ủy, BTL Quân khu, Đảng ủy cơ sở Công ty Đông Hải và của Đảng ủy BP Công ty; giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng trong mọi hoạt động của Công ty.

2. Lãnh đạo quán triệt và thực hiện nghiêm Chi thị 917/1999/CT-QP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Tiếp tục quán triệt Chi thị của Tư Lệnh Quân khu về thực hiện tốt phong trào thi đua Quyết thắng hàng năm. Tổ chức giáo dục chính trị, phổ biến giáo dục pháp luật, tuyên truyền định hướng tư tưởng theo kế hoạch, chương trình của Quân khu và Công ty Đông Hải gắn với học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XIII) và Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị (Khóa XIII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”. Thực hiện có hiệu quả tiêu chí, mô hình “Chi bộ 5 tốt, đảng viên 5 tốt”; mô hình “Cán bộ đảng viên đi đầu dắt quần chúng và cấp dưới” và Mô hình “đơn vị 3 nhất”; tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng văn hóa doanh nghiệp, bảo đảm cho Công ty luôn ổn định về tư tưởng chính trị.

3. Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phương châm chỉ đạo của Thường vụ Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu *“Làm kinh tế đạt hiệu quả, đúng pháp luật, an toàn, đoàn kết, nghĩa tình, bảo đảm chủ quyền, gắn kinh tế với quốc phòng, phát triển đúng hướng và vững chắc”*. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của Đảng ủy, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc với tinh thần tự lực, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo SXKD theo quy định của Bộ Quốc phòng, Quân khu, pháp luật Nhà nước bảo đảm hiệu quả, định hướng phát triển bền vững trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

4. Giải pháp về phát triển thị trường, quản trị thương hiệu: Đầu tư, đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiếp tục tập trung nâng cao công tác quản trị, thiết kế mẫu mã, phát triển sản phẩm, quảng bá thương hiệu ... nhằm đẩy mạnh phát triển thị trường trong và ngoài nước. Việc nâng cao nhận thức, năng lực khai thác và phát triển giá trị quyền sở hữu trí tuệ đối với các nhãn hiệu, sản phẩm của Công ty chiếm vai trò hết sức quan trọng, nỗ lực đưa thương hiệu TEGACO-7 là một trong những doanh nghiệp đứng đầu trong ngành cung cấp quân trang cho Quốc phòng và thị trường dệt may cả nước. Chú trọng xây dựng các tiêu chí, chứng nhận xuất xứ, chứng nhận về đảm bảo môi trường, tiết kiệm năng lượng và an toàn sản phẩm. Đồng thời tranh thủ ủng hộ các cơ quan chức năng của các Bộ, ngành trong và ngoài Quân đội, giữ vững các mối quan hệ truyền thống và phát triển mới các thị trường, thị phần trong nước và ngoài nước. Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên doanh liên kết với các Công ty bạn, tận dụng năng lực để tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Xây dựng mối quan hệ tốt với các khách hàng và đối tác, tránh rủi ro trong việc tìm kiếm cơ hội phát triển.

5. Đẩy mạnh việc giáo dục, quán triệt và duy trì thực hiện nghiêm pháp luật nhà nước, kỷ luật Quân đội các Chỉ thị của Quân khu; các nội quy, quy chế của Công ty qua đó xây dựng đội ngũ cán bộ, CNV, người lao động luôn xác định tốt ý thức, trách nhiệm và xây dựng ý chí quyết tâm cao trong công việc, góp phần

hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD. Tiếp tục quán triệt thực hiện tốt phong trào thi đua Cuộc vận động “*Quản lý, khai thác VKTB-KT tốt, bền an toàn tiết kiệm và an toàn giao thông*”, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phong trào “Giữ tốt, dùng bền, an toàn tiết kiệm” tài sản trang thiết bị hiện có, đảm bảo tốt trang bị kỹ thuật cho nhiệm vụ, tăng cường huấn luyện chuyên môn kỹ thuật đúng theo quy định. Chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, Luật ATGT, giữ gìn cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, SA 8000: 2014, ISO 14001: 2015 đảm bảo theo quy định trong toàn Công ty.

6. Giải pháp về khoa học công nghệ: Trước tình hình kinh tế trong nước và Quốc tế có nhiều thay đổi, ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ phát triển vượt bậc, hàng hóa, sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã thay đổi liên tục, Công ty tập trung đổi mới máy móc, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại đưa vào sản xuất phục vụ cho Quốc phòng và thị trường. Giữ vững ổn định, xây dựng thương hiệu Dệt May 7 là một trong những Công ty hàng đầu về sản xuất quân trang cho Quân đội, các sản phẩm dệt may tham gia thị trường trong nước và Quốc tế; mở rộng và phát triển các hoạt động SXKD dựa trên thế mạnh của Công ty; tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các đơn vị, các khách hàng với nhiều phương thức hợp tác phù hợp nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi trong SXKD; tập trung nguồn lực đẩy mạnh công tác cải tiến quy trình công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; tiếp tục đầu tư thay thế máy móc trang thiết bị cũ bằng dây chuyền máy móc thiết bị công nghệ cao nhằm hiện đại hóa sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận từng khâu sản xuất; Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và phong trào tiết kiệm, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trong và ngoài Công ty, tập trung xây dựng Công ty xanh, sạch, đẹp, thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững.

7. Duy trì hệ thống tài chính lành mạnh và đúng Pháp luật, chuẩn mực kế toán; sử dụng các quỹ tài chính của Công ty đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Thực hiện nghiêm chế độ kiểm toán độc lập, báo cáo định kỳ theo quy định đối với Công ty đại chúng; thực hiện chế độ công bố thông tin định kỳ và bất thường nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo minh bạch tình hình hoạt động của Công ty; quản lý vốn, bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hiện có, đầu tư vốn có trọng điểm, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn. Tăng cường công tác thu hồi vốn đúng kỳ hạn thanh toán, hạn chế tối đa khách hàng chiếm dụng vốn để giảm bớt các nguồn vốn vay, đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài nếu có. Có chế tài thích hợp để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động có hiệu quả.

8. Tăng cường phát triển nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, đội ngũ công nhân viên và người lao động có chuyên môn kỹ thuật, tay nghề cao phù hợp với yêu cầu mới. Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực có tay nghề cao phục vụ cho nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty; quan tâm thu hút nguồn nhân

lực có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chú trọng các kỹ năng mới như: thiết kế, phát triển sản phẩm. Áp dụng các chính sách ưu đãi cho từng trường hợp cụ thể. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên tố chất, năng lực và đạo đức của từng ứng cử viên; khuyến khích các hoạt động đoàn thể, phát huy vai trò hoạt động của các tổ chức quần chúng, gắn các phong trào thi đua, cuộc vận động với phong trào thi đua quyết thắng, thường xuyên chăm lo đảm bảo tốt đời sống vật chất, tinh thần để người lao động yên tâm công tác. Có các biện pháp đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động để họ ổn định tư tưởng, gắn bó lâu dài với Công ty, tạo hiệu quả tốt, nâng cao năng suất lao động, đóng góp vào hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ, tiêu chuẩn, chính sách cho cán bộ, CNV, người lao động theo đúng chính sách và pháp luật Nhà nước; đảm bảo môi trường làm việc, việc làm và thu nhập của người lao động.

9. Thực hiện tốt phong trào thi đua “LLVT Quân khu chung sức xây dựng nông thôn mới”, gắn với hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai ở lại phía sau” và phong trào thi đua “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập, phát triển” trong LLVT Quân khu và công tác chính sách hậu phương quân đội, phát huy có hiệu quả Phong trào thi đua “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp”.

Nhiệm kỳ 2022-2027, với tinh thần quyết tâm vượt khó, sẵn sàng đổi mới, phấn đấu nỗ lực, Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng tập thể CB, CNV Công ty tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, cùng với Đảng ủy, HĐQT, Ban Giám đốc cùng nhau chung sức, chung lòng thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên nhiệm kỳ 2022-2027 và các ý kiến góp ý, mong đợi của Quý vị cổ đông, làm cơ sở hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm nhiệm kỳ 2017-2022 và phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 5 năm nhiệm kỳ 2022-2027, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, TCHC. Th131.



Lại Thị Bảy

Số: 208/TTr-DM7

Tân Bình, ngày 09 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức
và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May 7**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Dệt May 7.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dệt May 7 đã dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty để phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã sửa đổi, bổ sung gồm 21 chương và 59 điều.

(Có dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May 7 kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.Th131.



Lại Thị Bảy

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

“DỰ THẢO”

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ I, ngày tháng 6 năm 2022)

Tân Bình, tháng 5 năm 2022



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 17. Thay đổi các quyền	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	28
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	28
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 33. Cán bộ quản lý	29
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	29
IX. BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 35. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát	30
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	30
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	31
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	31
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát	32
Điều 40. Mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	33
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	34
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	34
XII. TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, THANH NIÊN, PHỤ NỮ	35
Điều 44. Công nhân viên và tổ chức Đảng, Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	35
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	36
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	36
Điều 47. Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm	36

Điều 48. Năm tài chính	37
Điều 49. Chế độ kế toán	37
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	37
Điều 51. Báo cáo thường niên	37
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	37
Điều 52. Kiểm toán	37
XVII. CON DẤU	38
Điều 53. Dấu của Công ty	38
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	38
Điều 54. Chấm dứt hoạt động	38
Điều 55. Gia hạn hoạt động	38
Điều 56. Thanh lý	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	39
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	39
Điều 59. Ngày hiệu lực	39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May 7 (dưới đây gọi là Công ty), được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều lệ, các Quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số.....ngày 30 tháng 6 năm 2022, sửa đổi bổ sung lần thứ nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021) và các văn bản, thông tư, Nghị định có liên quan;

d) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

f) “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo quy định, quy chế và Điều lệ công ty;

g) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

h) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 điều 4 Luật Doanh nghiệp:

- Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

- Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

- Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;

- Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;

- Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

- Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

- Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

i) “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

j) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

k) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;

m) “Pháp luật” nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 2 Luật Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 22/6/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại thời điểm áp dụng.

o) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải người điều hành doanh nghiệp như quy định tại Điểm f Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này.

p) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

- Tên tiếng Anh: DET MAY 7 JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: CÔNG TY DỆT MAY 7



2. Logo Công ty:

3. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty

- Địa chỉ trụ sở chính: 109 A Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 08.3842 5327

- Fax: 08.3810 0489

- Website: www.detmay7.com.vn

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

a) Số lượng người đại diện pháp luật là 01 người. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở về Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Trường hợp vắng mặt tại văn phòng làm việc mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty sau 10 ngày thì Hội đồng Quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

b) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

- Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất may quân trang, quân phục cho QĐNDVN. May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1410 (chính)
2	Sản xuất sợi (trừ luyện cán cao su, tái chế phế thải) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1311
3	Sản xuất vải dệt thoi (trừ luyện cán cao su, tái chế phế thải)	1312
4	Hoàn thiện sản phẩm dệt (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1313
5	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (trừ luyện cán cao su, tái chế phế thải) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1321
6	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (trừ luyện cán cao su, tái chế phế thải) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1322
7	Sản xuất thảm, chăn đệm (trừ luyện cán cao su, tái chế phế thải) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1323
8	Sản xuất các loại dây bện và lưới (không hoạt động tại trụ sở)	1324
9	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (trừ luyện cán cao su, tái chế phế thải) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1329
10	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (trừ luyện cán cao su, tái chế phế thải) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1420
11	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (trừ luyện cán cao su, tái chế phế thải) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở).	1430
12	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (trừ luyện cán cao su, tái chế phế thải) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở).	1512
13	In ấn (trừ in, tráng bao bì kim loại; in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở).	1811
14	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2511
15	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2591
16	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2592
17	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	2599
18	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

	(không hoạt động tại trụ sở).	
19	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá (không hoạt động tại trụ sở).	3530
20	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở).	3600
21	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở).	3700
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659
23	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh dầu mỏ khí hóa lỏng lpg và dầu nhớt cặn).	4661
24	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải (không hoạt động tại trụ sở) và các hàng hóa khác chưa được phân vào đâu.	4669
25	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	4751
26	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.	4771

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty được thành lập nhằm đa dạng hóa hình thức sở hữu để phát huy nội lực, tận dụng cơ hội để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Quân khu 7.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này và quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **154.111.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi bốn tỷ, một trăm mười một triệu đồng).**

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.411.100 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận ĐKDN, Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông gồm có các nội dung sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập, mã số doanh nghiệp hoặc số đăng ký kinh doanh, giấy tờ pháp lý của cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
- f) Các chi tiết khác do Hội đồng Quản trị quy định tại từng thời điểm.
- g) Sổ đăng ký cổ đông có thể lập và lưu giữ bằng văn bản và bằng tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký chứng khoán.
- h) Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm về việc bảo quản, cập nhật sổ đăng ký cổ đông và về tính chính xác của tất cả các thông tin ghi chép trong sổ đăng ký cổ đông.

i) Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu hoặc trích lục các thông tin trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, chứng khoán.

4. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó nếu đưa ra được bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

6. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây

a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

7. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi gửi đề nghị cấp cổ phiếu mới, chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát
4. Giám đốc Công ty
5. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác

- Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.

- Công ty Cổ phần Dệt May 7 tôn trọng và tạo mọi điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

f) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

j) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; hoặc một tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Công ty, thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng

cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc các phương tiện liên lạc khác;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được

kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; (Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại).

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - g) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - h) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - f) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - j) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại mục q khoản 2 Điều 15 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Mỗi cổ đông cá nhân chỉ được ủy quyền 01 lần và ủy quyền cho 01 người, các cổ đông là tổ chức có quyền cử 01 (một) người, trừ các cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền cử tối đa 03 (ba) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Chữ ký trong văn bản ủy quyền phải theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được ủy quyền dự họp. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền.

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền đặc biệt gắn với cổ phần ưu đãi

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội, được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn (địa chỉ trang thông tin điện tử) đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, giấy tờ pháp lý của cá nhân, số lượng từng loại cổ phần đối với cổ đông là cá nhân, tên, giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. Văn bản phải có chữ ký của cổ đông cá nhân hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của cổ đông tổ chức.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp hoặc gửi phiếu biểu quyết thông qua các hình thức quy định tại điểm c, điểm d khoản 6 Điều 13 của Điều lệ này trước thời điểm tiến hành cuộc họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ

đồng quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, thì Trường ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp đã có đủ số người đăng ký dự họp đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày (03) kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia đại hội.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

a) Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (Địa điểm chính của Đại hội);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

a) Trừ trường hợp quy định tại mục b khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số

phiếu bầu của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông tán thành theo các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 13 của Điều lệ này.

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Tổ chức lại, giải thể công ty;
- Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

b) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

c) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

d) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đưa lên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng cổ đông và phải đảm bảo gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là

tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các quyết định đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản và phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, việc gửi Biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty; Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ và hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa

án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - đ) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông

chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

q) Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
- e) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

9. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết bằng văn bản:

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a) Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b) Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.
- c) Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.
- d) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Biên bản họp Hội đồng quản trị: thực hiện theo điều 158 Luật Doanh nghiệp

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác

thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười 10 ngày làm việc kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi Biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

14. Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

15. Giá trị pháp lý hành động: Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và các quy chế khác nhằm quản trị Công ty và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành của Công ty. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một Giám đốc, một số Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cán bộ quản lý là cán bộ quân đội thì sẽ do cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự quản lý của Công ty. Nhân sự quản lý của Công ty phải có năng lực và có trách nhiệm trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu và kế hoạch mà Hội đồng quản trị đã đề ra.

Điều 33. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Mức lương, thù lao, quyền lợi, trách nhiệm của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý sẽ do Hội đồng quản trị quyết định, được quy định trong hợp đồng lao động. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của những người quản lý khác của Công ty do Hội đồng Quản trị phê duyệt và được quy định trong hợp đồng lao động ký với từng người quản lý.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc; Nếu là cán bộ Quân đội thì do cấp có thẩm quyền quyết định. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại, việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

6. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

7. Đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu

thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Ban Kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

b) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp;

c) Có kinh nghiệm công tác từ ba (03) năm trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty và hiểu biết về pháp luật;

d) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

đ) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

e) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

g) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

h) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

i) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

k) Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

d) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

g) Các trường hợp khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm

toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty; rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

10. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

11. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Quản lý Công ty;

12. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;

13. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Quản lý Công ty.

14. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

15. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 40. Mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp, giao dịch với người có liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty; có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của

Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán và công bố thông tin.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Giao dịch với người có liên qua

a) Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty đại chúng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

b) Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

8. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

8.1. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.

8.2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b) Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.

8.3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b) Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

c) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

8.4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

8.5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 8.4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, THANH NIÊN, PHỤ NỮ

Điều 44. Công nhân viên và tổ chức Đảng, Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Các tổ chức: Tổ chức Đảng hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Hội đồng Quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi trừ đi các khoản hợp lý

1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động tối đa không quá 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện, nếu lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch. Trường hợp

lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch thì được trích thêm quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 20% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, nhưng tối đa không quá 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện.

2. Quỹ thưởng của người quản lý Công ty tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện, nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch. Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì tiền thưởng tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện.

3. Căn cứ quỹ khen thưởng, phúc lợi tại khoản 1 Điều này, Công ty quyết định việc phân bổ quỹ khen thưởng cho người lao động và quỹ phúc lợi. Không dùng quỹ khen thưởng của người lao động để chi thưởng cho người quản lý Công ty (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng). Quỹ phúc lợi dùng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động, bao gồm cả người quản lý Công ty.

4. Tùy theo nhu cầu đầu tư phát triển của Công ty trong từng thời kỳ, mức trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng, phúc lợi để ổn định lao động sẽ được Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh phù hợp.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó;

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 53. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có), nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

- a) Tên Doanh nghiệp
- b) Mã số Doanh nghiệp

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trước khi sử dụng, Công ty có phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký Doanh nghiệp.

5. Con dấu được lưu trữ tại Bộ phận văn thư bảo mật của Công ty và sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
2. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành

viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp; các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dệt May 7 nhất trí thông qua theo Nghị quyết số:...../2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, trong đó 01 bản nộp tại phòng công chứng nhà nước của địa phương; 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của UBND tỉnh, thành phố và 05 bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.

TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt Quy chế nội bộ về Quản trị
Công ty Cổ phần Dệt May 7

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Dệt May 7.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dệt May 7 đã dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm 09 chương và 40 điều.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và của Công ty.

(Có dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dệt May 7 kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.Th131.



Lại Thị Bảy

QUẬN KHU 7
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QC-DM7

Tân Bình, ngày tháng 5 năm 2022

“DỰ THẢO”

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần...

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dệt May 7 bao gồm các nội dung sau:

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật DN và Điều lệ công ty.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập, danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

1.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

1.2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

1.3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

1.4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.

1.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
- h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

1.6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 1.2, 1.3 và 1.4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

2.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

2.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

2.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính

xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong số đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 4. Chương trình, nội dung và thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ và việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ của cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết.

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

Điều 5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Mỗi cổ đông cá nhân chỉ được ủy quyền 01 lần và ủy quyền cho 01 người, các cổ đông là tổ chức có quyền cử 01 (một) người, trừ các cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền cử tối đa 03 (ba) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Chữ ký trong văn bản ủy quyền phải theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được

ủy quyền dự họp. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền.

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

4. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình hợp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 8. Cách thức bỏ phiếu

1. Cách thức bỏ phiếu thực hiện theo Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu

1. Theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp, ĐHĐCĐ lựa chọn và bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu.

2. Cách thức kiểm phiếu đối với các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ, thực hiện theo quy chế làm việc của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.

Điều 10. Điều kiện để nghị quyết được thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.

3. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có đủ chữ ký của các thành viên và công bố kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, nêu rõ tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đối với từng vấn đề.

Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 13. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng cổ đông và phải đảm bảo gửi

đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các quyết định đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao,

thường và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật DN và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật DN;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

3. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật DN và Điều lệ công ty.

Điều 17. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại

hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật DN và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 20. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể

thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 21. Nghị quyết bằng văn bản

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

1. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
2. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.
3. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo

thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

4. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 22. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm

soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện của Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Ban Kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
- b) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp;
- c) Có kinh nghiệm công tác từ ba (03) năm trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty và hiểu biết về pháp luật;
- d) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

đ) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

e) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

g) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

h) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

i) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

k) Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

d) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

g) Các trường hợp khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 27. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 29. Mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương V

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Các Tiểu Ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Giá trị pháp lý hành động: Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương VI GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì

Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

4. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn đại học chuyên ngành quản trị, kinh tế, tài chính, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Chương VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 33. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp thường kỳ và có thể họp bất thường. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị có sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, đại diện Ban kiểm soát và có thể có sự tham gia của cán bộ quản lý khác hoặc người có liên quan.

2. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, nghị quyết, thông qua nghị quyết và quyết định, thông báo kết quả cuộc họp thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Nghị quyết và các quyết định, kết quả cuộc họp của Hội đồng quản trị được gửi tới Trưởng Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty theo quy định.

Điều 34. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc uy tín của Công ty, Giám đốc cần kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để có biện pháp xử lý.

2. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị

1. Khi phát hiện có nội dung nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT không có lợi cho Giám đốc Công ty thì Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, chỉ đạo. Giám đốc vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ đạo đó nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình (có thông báo bằng văn bản với HĐQT) và báo cáo ĐHCĐ xem xét trong phiên họp gần nhất.

2. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho HĐQT, Ban kiểm soát về doanh nghiệp mà mình phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

3. Thực hiện trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 36. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Hội đồng quản trị thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh và các hoạt động liên quan đến quản lý điều hành hoạt động của Công ty bao gồm cả tình hình tài chính. Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp cùng HĐQT và Giám đốc để đưa ra các ý kiến đóng góp và thực hiện chức năng giám sát.

2. Các nội dung cụ thể về phối hợp và mối quan hệ giữa HĐQT, Giám đốc Công ty và Ban kiểm soát được quy định trong các Quy chế nội bộ của Công ty.

Chương VIII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 37. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý

1. Hàng năm HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT và Giám đốc, dựa theo chức năng nhiệm vụ do Điều lệ Công ty quy định, theo phân công và kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.

2. Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban kiểm soát dựa theo chức năng nhiệm vụ do Điều lệ quy định, theo phân công và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Chủ tịch HĐQT chủ trì công tác đánh giá người điều hành trên cơ sở căn cứ vào quy chế của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng cá nhân người điều hành.

Điều 38. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành, Chủ tịch trình Hội đồng Quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy chế khen thưởng của Công ty.

2. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ quỹ khen thưởng hoặc chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 39. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác nếu không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có vi phạm sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật và thực hiện các trách nhiệm theo quy định của pháp luật và của Công ty.

2. Trường hợp thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn mà có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công ty thì bị xem xét xử lý bồi thường thiệt hại cho Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trong trường hợp những vấn đề khác không được đề cập trong quy chế này sẽ được điều chỉnh theo Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định khác của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty.

Trong trường hợp những quy định tại quy chế này chưa phù hợp với các quy định mới của pháp luật, điều lệ Công ty thì những quy định mới đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nội dung quy định tại quy chế này.

3. Quy chế này bao gồm 9 chương, 40 điều, có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định mới, tình hình thực tế và được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.....tháng.....năm 2022./.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, P.TCHC. Th131.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dệt May 7

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Dệt May 7.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dệt May 7 đã sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty để phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm 07 chương và 23 điều.

(Có dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dệt May 7 kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.Th131.



Lại Thị Bảy

“DỰ THẢO”

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần...

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dệt May 7.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dệt May 7 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tôn trọng cá nhân, lãnh đạo tập thể bằng nghị quyết với sự điều phối của Chủ tịch HĐQT. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc cho HĐQT phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật và bảo đảm lợi ích của Công ty.

Chương II HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty khi được cấp trên có thẩm quyền đồng ý;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định (Nếu là cán bộ Quân đội phải do cấp có thẩm quyền quyết định); quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo phân cấp, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác khi được cấp trên có thẩm quyền quyết định;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị cấp trên có thẩm quyền mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 5. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Chương III THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật

3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT.

4. Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

5. Thực hiện các phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình.

6. Thực hiện các quyết định của ĐHCĐ và của HĐQT.

7. Các thành viên HĐQT có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về các hoạt động của Công ty.

8. Chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT không được ủy quyền cho những người khác không phải là thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

9. Thành viên HĐQT không được lợi dụng chức vụ để trục lợi hoặc có hành động chiếm đoạt cơ hội kinh doanh của Công ty, làm thiệt hại lợi ích của Công ty; có trách nhiệm bảo mật toàn bộ thông tin, quy trình công nghệ, không được lợi dụng thông tin, công nghệ của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 8. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 9. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;
5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 12. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các

thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa

điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 16. Nghị quyết, Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

- Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

- Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

- Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b Điều này.

b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

đ) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dệt May 7 bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2022

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, P.TCHC. Th131.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Dệt May 7

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Dệt May 7.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dệt May 7 đã dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty để phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua toàn văn Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty bao gồm 07 chương và 22 điều.

(Có dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dệt May 7 kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TCHC.Th131.



Lại Thị Bảy

QUẬN KHU 7
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QC-DM7

Tân Bình, ngày tháng 6 năm 2022

“DỰ THẢO”

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dệt May 7

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dệt May 7

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dệt May 7 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

**Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do

Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dệt May 7 bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty (để chỉ đạo);
- BGD Công ty (để chỉ đạo);
- Địa phương được hỗ trợ;
- Lưu: VT; P.TCHC. Th13.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ I (2017-2022)
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ II (2022-2027)

Phần I
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ I (2017-2022)

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May 7 và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ thứ I (2017-2022) như sau:

I. CƠ CẤU, NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày 03/7/2017, Đại hội đồng cổ đông lần đầu đã bầu ra 5 thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 và HĐQT đã bầu Chủ tịch HĐQT. Hiện nay Hội đồng Quản trị gồm 04 thành viên, trong đó, hiện đang công tác tại Công ty 03 thành viên, 01 thành viên không chuyên trách; 01 thành viên miễn nhiệm do chuyển công tác, gồm các đồng chí có tên sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Lại Thị Bảy	Chủ tịch HĐQT	
2	Đinh Quang Nhẫn	Thành viên HĐQT	
3	Nguyễn Thanh Dương	Thành viên HĐQT	
4	Phan Đức Lê Hoàng	Thành viên HĐQT	Không chuyên trách
5	Hà Hồng Quân	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/4/2020

- Đồng chí Hà Hồng Quân được miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 từ ngày 28/4/2020, lý do chuyển công tác về Công ty Minh Thành.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2017-2022

1. Tình hình hoạt động

Nhiệm kỳ 2017-2022, là nhiệm kỳ đầu tiên của HĐQT, triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (SXKD) theo mô hình mới, chuyển từ Công ty 100% vốn Nhà nước sang hình thái cổ phần, trong tình hình khó khăn chung của ngành dệt may phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các thị trường trong nước và Quốc tế, sự ảnh hưởng của các Hiệp định thương mại; trong giai đoạn tình hình dịch bệnh Covid-19 hoành hành, diễn biến phức tạp, kéo dài, đã tác động rất lớn đến toàn bộ nền kinh tế thế giới, trong nước, nhất là ngành dệt may, dẫn đến việc nhập nguyên, nhiên vật liệu đầu vào đứt gãy, sản xuất gặp nhiều khó

khăn, sức tiêu thụ hàng hóa giảm làm ảnh hưởng không ít đến quá trình tổ chức hoạt động và hiệu quả SXKD của Công ty.

Nhận diện khó khăn, bằng sự nhạy bén, năng động, sáng tạo trong suốt quá trình điều hành, Hội đồng Quản trị luôn thường xuyên bám sát Nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, những biến động của thị trường để chủ động đề ra định hướng, giải pháp và quyết định các vấn đề quan trọng trong sản xuất kinh doanh, do vậy, đã có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, giữ ổn định và phát triển, tạo đà tăng trưởng cả về doanh thu lẫn lợi nhuận, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Các thành viên Hội đồng Quản trị căn cứ nhiệm vụ quyền hạn được phân công phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế của HĐQT, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; từng thành viên HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có những đóng góp tích cực, quan trọng trong quá trình điều hành và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2017-2022.

2. Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết của HĐQT

a) Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị thực hiện, duy trì họp thường kỳ, đảm bảo về thời gian và các thủ tục nguyên tắc, thống nhất các nội dung điều hành; đồng thời giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình SXKD, qua đó, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ trong nhiệm kỳ. Các cuộc họp HĐQT, từng thành viên đều tham gia đầy đủ và có đóng góp tích cực cho việc định hướng, đề ra các giải pháp trong lãnh đạo, chỉ đạo; quyết nghị kế hoạch SXKD từng tháng, quý, năm và giám sát chặt chẽ mọi hoạt động SXKD, đảm bảo tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty.

- Năm 2017: Hội đồng Quản trị đã tổ chức 10 phiên họp
- Năm 2018: Hội đồng Quản trị đã tổ chức 14 phiên họp
- Năm 2019: Hội đồng Quản trị đã tổ chức 12 phiên họp
- Năm 2020: Hội đồng Quản trị đã tổ chức 14 phiên họp
- Năm 2021: Hội đồng Quản trị đã tổ chức 18 phiên họp

Ngoài các phiên họp thường kỳ như trên, Hội đồng Quản trị thường xuyên bàn bạc, thảo luận, thống nhất qua các cuộc họp bất thường, qua điện thoại hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời đưa ra các quyết định, định hướng sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo theo yêu cầu đề ra.

b) Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã triển khai trên cơ sở Kế hoạch SXKD được Công ty Đông Hải phê duyệt, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm và Kế hoạch SXKD tháng, quý, 6 tháng, năm; góp phần đưa ra các giải pháp thực hiện nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế hàng năm.

- Năm 2017: Hội đồng Quản trị đã ban hành 10 Nghị quyết
- Năm 2018: Hội đồng Quản trị đã ban hành 14 Nghị quyết
- Năm 2019: Hội đồng Quản trị đã ban hành 12 Nghị quyết

- Năm 2020: Hội đồng Quản trị đã ban hành 14 Nghị quyết
- Năm 2021: Hội đồng Quản trị đã ban hành 18 Nghị quyết

3. Kết quả giám sát đối với Ban Điều hành và các cán bộ Quản lý

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc trong điều hành sản xuất của Công ty. Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng hàng năm mà Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị giao cho Giám đốc thực hiện.

- Hội đồng Quản trị đã sắp xếp thời gian tham gia cuộc họp giao ban hàng tháng do Giám đốc chủ trì và một số cuộc họp của Ban Điều hành để nắm bắt thông tin và có ý kiến chỉ đạo kịp thời các nhiệm vụ trọng tâm.

- Hội đồng Quản trị cũng đã phối hợp với Ban kiểm soát, giám sát tình hình hoạt động của Công ty, để có những chỉ đạo kịp thời, thiết thực giúp Giám đốc triển khai hiệu quả các nhiệm vụ ĐHCĐ và HĐQT giao.

- Định kỳ hàng tháng, Giám đốc thực hiện báo cáo Hội đồng Quản trị tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và những chủ trương chính tại các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị.

- Ban Giám đốc thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, các khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành để HĐQT kịp thời đưa ra các giải pháp trong sản xuất kinh doanh, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trọng tâm.

- Các hoạt động của Ban Giám đốc đều tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Cấp trên, của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã đề ra.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT NHIỆM KỲ 2017-2022

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm nhiệm kỳ 2017-2022

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Trong nhiệm kỳ 2017-2022, Hội đồng Quản trị đã triển khai tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch SXKD đạt hiệu quả cao, bảo đảm đúng pháp luật, đúng chủ trương, chức năng, ngành nghề. Tổ chức SXKD chặt chẽ, chủ động, sáng tạo, khai thác mọi nguồn lực, mở rộng và đẩy mạnh hoạt động SXKD có hiệu quả. Bằng những giải pháp đúng đắn và sự chủ động linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty, cùng với sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực của cán bộ, CNV, người lao động luôn đoàn kết, thống nhất ý chí, vượt qua khó khăn, thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, cùng với sự đồng hành của các Quý vị Cổ đông đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2017-2022.

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
I.	Kết quả SXKD năm 2017			
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	762.942	763.006	100,0
2	Lợi nhuận (trước thuế)	52.625	40.118	76,2
3	Nộp ngân sách	57.779	41.930	72,6

4	Chi trả cổ tức năm 2017	5%	5,8%	116,0
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	3.929	4.559	116,0
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	9.000.000đ	13.753.861đ	152,8
II. Kết quả SXKD năm 2018				
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	763.502	764.082	100,1
2	Lợi nhuận (trước thuế)	50.000	50.202	100,4
3	Nộp ngân sách	45.727	37.022	81,0
4	Chi trả cổ tức năm 2018	10%	12%	120,0
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	7.860	9.432	120,0
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	10.500.000đ	11.392.163đ	108,5
III. Kết quả SXKD năm 2019				
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	786.921	794.893	101,0
2	Lợi nhuận (trước thuế)	53.716	54.109	100,7
3	Nộp ngân sách	41.072	40.377	98,3
4	Chi trả cổ tức năm 2019	12%	14,7%	122,5
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	9.432	11.606	123,0
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	11.400.000đ	11.548.589đ	101,3
IV. Kết quả SXKD năm 2020				
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	858.605	863.066	100,5
2	Lợi nhuận (trước thuế)	58.438	58.751	100,5
3	Nộp ngân sách	43.398	35.207	81,1
4	Chi trả cổ tức năm 2020	12%	15,9%	132,5
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	9.432	12.486	132,4
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	11.600.000đ	12.619.857đ	108,8
V. Kết quả SXKD năm 2021				
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	831.196	831.196	100,0
2	Lợi nhuận (trước thuế)	63.450	63.472	100,0
3	Nộp ngân sách	43.294	42.018	97,1
4	Chi trả cổ tức năm 2021	12%	17%	141,7
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	9.432	13.361	141,7
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.000.000đ	13.200.018đ	101,5

b) Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản

Trong nhiệm kỳ 2017-2022, HĐQT tập trung đẩy mạnh thực hiện tốt công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc, trang thiết bị theo đúng quy trình, đúng pháp luật, theo quy định của Bộ Quốc phòng, Quân khu và Công ty Đông Hải mang lại hiệu quả cao trong sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Công ty đã triển khai đầu tư MMTB, xây dựng cơ bản với tổng giá trị là 196,826 tỷ đồng, từ nguồn khấu hao và vốn tự có của Công ty.

c) Công tác tài chính

Lãnh đạo thực hiện tốt việc quản lý, thu chi tài chính trong toàn Công ty, bảo đảm luôn được giám sát chặt chẽ, đúng nguyên tắc, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các đơn vị quyết toán các hạng mục đầu tư, sửa chữa công trình, nộp cổ tức về Công ty Đông Hải và chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định. Chấp hành và thực hiện nghiêm chế độ thanh quyết toán, kiểm toán theo đúng quy định. Quản lý và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn, đảm bảo hệ thống tài chính lành mạnh, đúng quy định của pháp luật, luôn bảo toàn và phát triển nguồn vốn, không để nợ xấu, nợ khó đòi phát sinh, bảo đảm đầy đủ vốn cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, XD CB.

d) Công tác hậu cần, kỹ thuật

Tổ chức thực hiện tốt Cuộc vận động 50 “Quản lý, khai thác VKTB-KT tốt, bền an toàn tiết kiệm và an toàn giao thông”; tiếp tục quán triệt thực hiện tốt Nghị quyết 382 của ĐUQSTW, Chỉ thị 1386 của Tư lệnh Quân khu về công tác kỹ thuật trong tình hình mới; luôn đảm bảo tốt vũ khí, trang bị kỹ thuật cho nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất của đơn vị; chấp hành pháp luật, kỷ luật, Luật ATGT; bảo đảm an toàn không để xảy ra cháy, nổ, mất mát, hư hỏng trang bị kỹ thuật. Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, SA 8000: 2014, ISO 14001: 2015 trong toàn Công ty. Thực hiện tốt và phát huy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa trong SXKD, nhiệm kỳ 2017-2022 Công ty có 13 sáng kiến được Quân khu công nhận đạt các giải A, B, C ứng dụng hiệu quả trong sản xuất và làm lợi cho Công ty hàng tỷ đồng.

đ) Công tác chính sách xã hội, chăm lo bảo đảm chế độ cho người lao động

- Thực hiện và phát huy tốt quy chế dân chủ cơ sở ở các cơ quan đơn vị trực thuộc; Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, BH tai nạn 24/24, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp. Thực hiện tốt công tác quản lý và chăm lo bảo đảm tốt chế độ, tiêu chuẩn, chất lượng bữa ăn và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB, CNV, NLD đảm bảo chất lượng theo kế hoạch đề ra. Thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động. Ngoài ra còn thực hiện chăm lo tốt các chế độ, chính sách, đời sống vật chất tinh thần đối với người lao động; trong nhiệm kỳ 2017-2022 đã tổ chức cho CB, CNV, NLD đi tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng ở các địa điểm du lịch trong nước đảm bảo vui tươi, an toàn; tổ chức tốt các hoạt động ngày phụ nữ 8/3, 20/10 và gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ, công nhân viên, người lao động các dịp hè, 1/6, với tổng giá trị hơn 8,8 tỷ đồng, góp phần để NLD yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty.

- Bên cạnh việc tổ chức SXKD hiệu quả, công ty đã tích cực tham gia công tác chính sách - xã hội, thực hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với thực hiện phong trào thi đua “Lực lượng vũ trang Quân khu chung sức xây dựng nông thôn mới” và phong trào đền ơn đáp nghĩa công tác chính sách xã hội, chính sách hậu phương quân đội. Trong nhiệm kỳ 2017-2022, Công ty đã hỗ trợ xây dựng 47 căn nhà Đại đoàn kết (trong đó hỗ trợ 16 căn nhà đại đoàn kết cho CNV, NLD có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn) và các

khoản hỗ trợ chính sách trên địa bàn với tổng giá trị là 11,270 tỷ đồng. Hỗ trợ nuôi dưỡng 05 trẻ em mồ côi do tác động của dịch bệnh Covid-19, bình quân mỗi cháu 01 triệu đồng, nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi.

2. Chi phí thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022

Mức thù lao thực chi cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được chi trả đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm. Cụ thể:

a) Chi trả thù lao 6 tháng cuối năm 2017: 198.000.000đ, trong đó:

- Chủ tịch HĐQT : 6.000.000 đồng/người/tháng
- Các thành viên HĐQT (04 đ/c) : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Các TV Ban Kiểm soát (02 đ/c) : 2.000.000 đồng/người/tháng

b) Chi trả thù lao năm 2018: 396.000.000đ, trong đó:

- Chủ tịch HĐQT : 6.000.000 đồng/người/tháng
- Các thành viên HĐQT (04 đ/c) : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban Kiểm soát: : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Các TV Ban Kiểm soát (02 đ/c) : 2.000.000 đồng/người/tháng

c) Chi trả thù lao năm 2019: 148.800.000đ, trong đó:

- Các thành viên HĐQT (02 đ/c) : 5.600.000 đồng/người/tháng
- Các TV Ban Kiểm soát (02 đ/c) : 2.000.000 đồng/người/tháng

d) Chi trả thù lao năm 2020: 162.000.000đ, trong đó:

- Các thành viên HĐQT (02 đ/c) : 5.600.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban Kiểm soát: : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Các TV Ban Kiểm soát (02 đ/c) : 2.000.000 đồng/người/tháng

đ) Dự kiến chi trả thù lao năm 2021: 151.200.000đ, trong đó:

- Thành viên HĐQT (01 đ/c) : 5.600.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban Kiểm soát: : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Các TV Ban Kiểm soát (02 đ/c) : 2.000.000 đồng/người/tháng

3. Mức chi trả cổ tức nhiệm kỳ 2017-2022

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, Hội đồng Quản trị đã nhất trí và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét về mức chi cổ tức hàng năm cho cổ đông. Công ty thực hiện việc chi trả sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên thông nhất thông qua, cụ thể:

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đ/1 cổ phiếu

- Mức chi trả cổ tức 6 tháng cuối năm 2017 : 5,8%/cổ phần
- Mức chi trả cổ tức năm 2018 : 12%/cổ phần
- Mức chi trả cổ tức năm 2019 : 14,7%/cổ phần
- Mức chi trả cổ tức năm 2020 : 15,9%/cổ phần
- Mức chi trả cổ tức năm 2021 : 17%/cổ phần

4. Lựa chọn Công ty tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán hàng năm

- Năm 2017: Công ty lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

- Năm 2018: Công ty lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

- Năm 2019: Công ty lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

- Năm 2020: Công ty lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

- Năm 2021: Công ty lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

5. Thực hiện việc báo cáo theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội bảo đảm đúng thời gian quy định.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ II (2022-2027)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp và tăng trưởng chậm, một phần do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Kinh tế, chính trị, xã hội trong nước tiếp tục ổn định, nhưng còn nhiều khó khăn, thách thức; thị trường ngành dệt, may dự báo có nhiều biến động, nhiều thuận lợi đan xen với những cơ hội và thách thức. Tuy nhiên còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường. Trước những thuận lợi, khó khăn trên, để giữ vững sự ổn định và phát triển, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và bảo đảm việc làm cho người lao động cũng như chi trả cổ tức phù hợp cho các cổ đông, HĐQT xác định phương hướng hoạt động năm 2022 và các năm tiếp theo, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Với mục tiêu chiến lược phát triển Công ty trở thành một đơn vị mạnh trong ngành dệt may Việt Nam, nhiệm kỳ 2022 – 2027, Công ty tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao khả năng cạnh tranh, thỏa mãn ngày càng cao yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo Quân trang cho Quân đội và nhu cầu tiêu dùng trong nước, nâng cao năng lực xuất khẩu, đảm bảo việc làm cho người lao động, đảm bảo trắng trường ổn định, bền vững và hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu lợi nhuận: Doanh thu hàng năm ổn định và tăng trưởng, tập trung chú trọng nâng cao về lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm tốt đời sống cho cán bộ, công nhân viên, người lao động và chi trả cổ tức cho các cổ đông hàng năm.

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh: Có chính sách bán hàng, chăm sóc khách hàng cụ thể, hiệu quả, mở rộng, khai thác triệt để thị trường trong và ngoài nước;

áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào công tác sản xuất kinh doanh, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản xuất kinh doanh.

- Phát triển đội ngũ nhân sự: Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động, kỹ năng nghề; kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu quản trị trong cơ chế thị trường. Rà soát, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên môn hóa, trang bị cho người lao động các kiến thức phù hợp với vị trí làm việc, nâng cao kỹ năng làm việc, kỹ năng giao tiếp...

- Chính sách đổi mới công nghệ: Ứng dụng phần mềm trong công tác quản lý, bán hàng, quảng bá thương hiệu, sản phẩm; nghiên cứu ứng dụng, đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất kinh doanh đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, máy móc cũ, tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên vật liệu, năng suất thấp; từng bước loại bỏ sản phẩm không thân thiện với môi trường để phát triển bền vững.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022-2027

1. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD hàng năm đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, luôn quán triệt chủ trương của Quân khu làm kinh tế phải có hiệu quả, bảo đảm đúng pháp luật, đúng chủ trương, chức năng, ngành nghề, đảm bảo chủ quyền, gắn kinh tế với Quốc phòng - An ninh, từng bước phát triển đúng hướng và bền vững; thực hiện tốt các chính sách tiền lương, tiền thưởng cho người lao động bảo đảm dân chủ, công bằng, công khai, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Quân khu và nộp cổ tức về Công ty Đông Hải đúng quy định. Hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng pháp luật. Kế hoạch SXKD dự kiến đạt được nhiệm kỳ 2022-2027 cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
I.	Kế hoạch SXKD năm 2022		
1	Tổng doanh thu thuần	897.698	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	68.526	
3	Nộp ngân sách	50.676	
4	Chi trả cổ tức năm 2022	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.200.000đ	
II.	Kết quả SXKD năm 2023		
1	Tổng doanh thu thuần	942.583	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	74.008	
3	Nộp ngân sách	51.912	
4	Chi trả cổ tức năm 2023	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	

6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.400.000đ	
III.	Kết quả SXKD năm 2024		
1	Tổng doanh thu thuần	989.712	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	79.929	
3	Nộp ngân sách	53.674	
4	Chi trả cổ tức năm 2024	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.700.000đ	
IV.	Kết quả SXKD năm 2025		
1	Tổng doanh thu thuần	1.039.198	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	86.323	
3	Nộp ngân sách	55.777	
4	Chi trả cổ tức năm 2025	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	14.000.000đ	
V.	Kết quả SXKD năm 2026		
1	Tổng doanh thu thuần	1.091.158	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	93.228	
3	Nộp ngân sách	57.450	
4	Chi trả cổ tức năm 2026	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	14.300.000đ	
VI.	Kết quả SXKD năm 2027		
1	Tổng doanh thu thuần	1.145.715	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	100.686	
3	Nộp ngân sách	59.170	
4	Chi trả cổ tức năm 2027	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	14.600.000đ	

2. Tình hình tài chính của Công ty

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
1	Vốn điều lệ	154.111	154.111	154.111	154.111	154.111	154.111
2	Vốn chủ sở hữu	214.359	232.120	251.303	272.021	294.396	318.560
3	Tổng giá trị tài sản	485.000	500.000	515.000	530.000	545.000	560.000
4	Nợ phải trả	295.000	300.000	305.000	310.000	315.000	320.000
5	Các khoản đầu tư tài chính						
-	<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>						
-	<i>Đầu tư vào Chi nhánh Hà Nam</i>	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
-	<i>Đầu tư dài hạn khác</i>						

3. Cơ cấu tài sản

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	50,0	48,0	48,2	46,6	49,9	50,4
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	50,0	52,0	51,8	53,4	50,1	49,6
3	Các khoản phải thu/Tổng tài sản	18,9	17,1	18,6	18,2	18,5	18,9

4. Chỉ tiêu lợi nhuận

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
1	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	11,8	12,1	12,3	12,5	12,7	12,9
2	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	7,6	7,9	8,1	8,3	8,5	8,8

5. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác đầu tư, XDCB

a) Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc, trang thiết bị nhằm mở rộng thị trường, giảm hao phí lao động, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tiếp tục đầu tư có chiều sâu nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng với các thiết bị công nghệ hiện đại.

b) Năm 2021, Nhà ga hành khách T3 sân bay Tân Sơn Nhất được Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư. Khi thực hiện mở đường nối nhà ga T3 – đường Cộng Hòa, nhà xưởng Nhuộm của Công ty nằm trong khu vực giải phóng mặt bằng, do đó phải quy hoạch lại nhà xưởng sản xuất và di dời MMTB của Xí nghiệp Nhuộm.

- Kế hoạch di dời và đầu tư MMTB nhà máy Nhuộm:

+ Mặt bằng nhà xưởng: Tổng diện tích nhu cầu dự kiến: 30.000 m² (Bao gồm: Nhà xưởng sản xuất; Văn phòng; Khu phục vụ sản xuất ...)

+ Vị trí: Các Khu công nghiệp khu vực lân cận TP.HCM

+ Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng nhà xưởng dự kiến: 150 tỷ

+ Thời gian sử dụng: Đến tháng 04/2053

- Công tác di dời: Tổ chức di dời theo cụm và các máy móc thiết bị đang hoạt động tốt.

- Chi phí di dời và xây dựng móng máy dự kiến: 20 tỷ

c) Công tác đầu tư mua sắm MMTB mới: Công ty dự kiến đầu tư máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh trong nhiệm kỳ 2022 – 2027 với tổng mức đầu tư là: 235,35 tỷ, cụ thể như sau:

d) Tổng mức chi phí:

- Chi phí mặt bằng nhà xưởng : 150.000 triệu đồng

- Chi phí di dời, lắp đặt MMTB : 20.000 triệu đồng

- Chi phí đầu tư MMTB : 235.350 triệu đồng

* **Tổng cộng** : **405.350 triệu đồng**

đ) Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn khấu hao và Quỹ đầu tư phát triển hàng năm; Huy động vốn bằng các hình thức: Vay vốn ngân hàng, vay vốn của các tổ chức và cá nhân, tập thể.

6. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị. Giao đơn giá tiền lương đến từng bộ phận, chế độ lương thưởng gắn liền với chức danh và hiệu quả công việc của từng cán bộ, công nhân viên; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức Công ty theo hướng tinh gọn bộ máy quản lý, điều hành, có chuyên môn và nghiệp vụ phù hợp với ngành nghề hoạt động của Công ty, kết hợp với số cán bộ, nhân viên có kinh nghiệm, có đạo đức tốt với nhân viên trẻ được đào tạo cơ bản.

- Nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của người lao động, tạo ra nguồn nội lực đủ mạnh để có thể chủ động đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, đào tạo lại đối với cán bộ CNV, NLD đã gắn bó lâu năm với Công ty. Thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, chuyên môn giỏi, đảm bảo cho sản xuất các khâu.

- Chú trọng công tác tuyển dụng kết hợp với đào tạo, đào tạo lại, phát triển lực lượng sản xuất, đảm bảo có đội ngũ công nhân lành nghề và lực lượng cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

7. Tiếp tục quán triệt thực hiện tốt phong trào thi đua Cuộc vận động “*Quản lý, khai thác VKTB-KT tốt, bền an toàn tiết kiệm và an toàn giao thông*”, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phong trào “Giữ tốt, dùng bền, an toàn tiết kiệm” tài sản trang thiết bị hiện có, đảm bảo tốt vũ khí, trang bị kỹ thuật cho nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất, tăng cường huấn luyện chuyên môn kỹ thuật đúng theo quy định. Chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, Luật ATGT, giữ gìn cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, SA 8000: 2014, ISO 14001: 2015 đảm bảo theo quy định trong toàn Công ty.

8. Thực hiện tốt việc chi trả thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách, Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bảo đảm theo đúng quy định.

9. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm theo đề xuất của Ban Kiểm soát và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

10. Tiếp tục tập trung nâng cao công tác quản trị, thiết kế mẫu mã, phát triển sản phẩm, quảng bá thương hiệu ... nhằm đẩy mạnh phát triển thị trường trong và ngoài nước. Việc nâng cao nhận thức, năng lực khai thác và phát triển giá trị quyền sở hữu trí tuệ đối với các nhãn hiệu, sản phẩm của Công ty chiếm vai trò hết sức quan trọng, nỗ lực đưa thương hiệu TEGACO-7 là một trong những doanh nghiệp đứng đầu trong ngành cung cấp quân trang cho Quốc phòng và thị trường dệt may cả nước; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác tiếp thị, tạo nguồn, mở rộng thị trường tiêu thụ bảo đảm việc làm và thu nhập của người lao động, chính sách lương, thưởng, chế độ chăm sóc sức khỏe,... thực hiện tốt quyền lợi

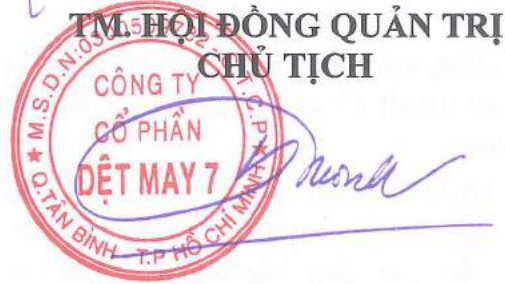
của cổ đông như trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty.

11. Thực hiện tốt chức năng quản trị hoạt động SXKD của Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và chức trách nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị về việc đánh giá kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2017-2022, phương hướng hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2022-2027. Tại Đại hội này, Hội đồng Quản trị rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của Quý Cổ đông để HĐQT lãnh đạo, chỉ đạo Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2022-2027./.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, TCHC. Th131.



Lại Thị Bảy

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2021 VÀ NHIỆM KỲ 2017-2022 ĐỊNH HƯỚNG
NHIỆM VỤ NĂM 2022 VÀ NHIỆM KỲ 2022-2027

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Nhiệm kỳ 2022-2027 Công ty Cổ phần Dệt May 7.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May 7;
Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần;

Ban Kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao của BKS trong năm 2021 và nhiệm kỳ 2017-2022, định hướng nhiệm vụ của kết quả hoạt động năm 2022 và nhiệm kỳ 2022 – 2027 với các nội dung sau:

Phần I
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

BKS gồm 03 thành viên được phân công những nội dung công việc phù hợp với kinh nghiệm và chuyên môn của mình nên đã thực hiện hoàn thành trách nhiệm của BKS theo Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của BKS. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS đã không bị giới hạn nào trong thực thi quyền hạn của mình.

Thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát, chi phí cho hoạt động BKS được thanh toán theo quy định tại Điều lệ của Công ty và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

BKS đã nhận được sự phối hợp, cộng tác đầy đủ, trách nhiệm và hiệu quả của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc cung cấp thông tin, giải trình theo yêu cầu của BKS phù hợp với Điều lệ của Công ty. Kết quả kiểm tra, giám sát và các ý kiến của BKS đều được gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc bằng văn bản và ý kiến tại các cuộc họp.

I. GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC TRONG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

- Trong năm 2021, và cả nhiệm kỳ 2017-2022, Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban giám đốc Dệt May 7 đã tổ chức, thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Dệt May 7 và các quy định pháp luật có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, HĐQT, Ban giám đốc đều có sự phân công, phân nhiệm cho các thành viên và các cấp điều hành, có tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua các phiên họp

HĐQT, giao ban hàng tháng và các cuộc họp chuyên đề phục vụ sản xuất kinh doanh.

- HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong Dệt May 7 đã phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh. Kết quả sản xuất kinh doanh được trình bày chi tiết tại Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban Giám đốc trình bày tại Đại hội.

- Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT đã tổ chức 34 phiên họp thường kỳ và đột xuất, đã ban hành 34 Nghị quyết và nhiều Quyết định để duy trì sự ổn định và định hướng sự phát triển của Công ty. Giám đốc và Ban điều hành đã duy trì giao ban hàng tuần và tháng. Các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành trong nhiệm kỳ qua đều có sự tham gia của Trưởng ban kiểm soát. Đặc biệt trong năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, nhưng các hoạt động chỉ đạo điều hành của HĐQT và Giám đốc cũng được điều chỉnh và sáng tạo để thích ứng với bối cảnh nhưng vẫn phải đảm bảo mục tiêu kép vừa chống dịch vừa phát triển sản xuất kinh doanh.

- BKS duy trì công tác giám sát lựa chọn kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và cả năm, công tác quản lý sử dụng vốn tại Công ty theo kế hoạch, theo chuyên đề để đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như việc triển khai của HĐQT và Giám đốc để hoàn thành các kế hoạch, nghị quyết. Hoạt động giám sát của BKS cũng được điều chỉnh để phù hợp với hoàn cảnh hoạt động của Công ty vừa chống dịch vừa phát triển sản xuất kinh doanh.

- Hoạt động công bố thông tin của Công ty Dệt May 7 đã được thực hiện đầy đủ và tuân thủ quy định pháp luật.

- BKS đánh giá các Quy chế, quy định đã ban hành theo thẩm quyền phù hợp với quy định pháp luật và đặc điểm hoạt động của Công ty.

- Trong năm 2021 và nhiệm kỳ 2017 – 2022, BKS không nhận được đơn thư tố cáo hay khiếu nại nào liên quan đến HĐQT và Ban điều hành gửi về Ban kiểm soát.

II .GIÁM SÁT BAN GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC XÂY DỰNG CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH PHÙ HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

- Ngày 15/10/2018, cổ phiếu của Công ty cổ phần Dệt May 7 đã được niêm yết trên sàn giao dịch upcom (Hà Nội) với mã cổ phiếu là DM7. BKS ghi nhận trước đó, ngoài các công việc bắt buộc theo quy định, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã chủ động xây dựng các quy chế bắt buộc đối với công ty niêm yết cổ phiếu để sẵn sàng cho việc niêm yết cổ phiếu này.

- Trong năm 2021 và nhiệm kỳ 2017 - 2022, Ban điều hành đã tổ chức rà soát các Quy chế, quy định hiện có để điều chỉnh và đề nghị điều chỉnh phù hợp với các thay đổi của quy định nhà nước và bối cảnh hoạt động của Công ty. BKS đã giám sát và phối hợp với các thành viên HĐQT, Ban điều hành trong công tác này để đảm bảo việc xây dựng được thực hiện phù hợp và phù hợp thẩm quyền.

Ban kiểm soát đánh giá các quy chế, quy định đã ban hành được xây dựng phù hợp với quy định pháp luật và đặc điểm hoạt động của Công ty.

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Các căn cứ

- Báo cáo tài chính được lập theo các biểu mẫu của Bộ Tài Chính ban hành tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BTC ngày 20/01/2020 thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính; Các biên bản ghi nhận kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) phát hành.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền cho năm tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Số liệu chi tiết về tài sản, nguồn vốn, công nợ và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm được trình bày chi tiết tại Báo cáo tài chính của Công ty Dệt May 7 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT(AASCN) và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của HNX: <https://www.hnx.vn/cophieu-etfs/chi-tiet-chung-khoan-uc-DM7.html> des tab=1

Phần II

ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ NHIỆM KỲ 2022-2027

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần và các quy định nội bộ có liên quan của Công ty Dệt May 7, Ban kiểm soát xây dựng định hướng nhiệm vụ của mình trong năm 2022 và nhiệm kỳ tiếp theo như sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành tổ chức;
- Theo dõi và đánh giá tiến độ việc thực hiện các Nghị Quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết của HĐQT;
- Tham vấn Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, kịp thời hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy mô phát triển và đặc thù của Công ty;
- Giám sát công tác công bố thông tin theo quy định áp dụng đối với các tổ chức niêm yết chứng khoán;
- Kiểm tra thực tế việc thực hiện các quy định, quy chế của Công ty và các mặt hoạt động khác

2. Thâm định báo cáo tài chính bán niên và năm theo quy định bao gồm cả việc giám sát công tác lựa chọn kiểm toán viên và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính;

3. Kịp thời thông báo cho HĐQT về những vi phạm của người quản lý, điều hành; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

4. Họp BKS định kỳ (trực tiếp hoặc theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản); thực hiện sơ kết công tác của từng quý và kế hoạch công việc quý tiếp theo;

5. Lập báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát hàng quý (khi tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý), kết quả thâm định báo cáo tài chính theo quy định tại Điều lệ của Công ty;

6. Thực hiện công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ của Công ty, quy định của Pháp luật và theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Phần III CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đề nghị HĐQT, BDH chỉ đạo khai thác thế mạnh của Công ty, phát triển thị trường các mặt hàng in hoa. Các mặt hàng nhuộm thành phẩm trên máy Nhuộm liên tục. Tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường đảm bảo khai thác hiệu quả sau đầu tư MMTB.

2. Đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản lý, nâng cao năng lực và trách nhiệm làm việc của người lao động, đảm bảo tính chuyên nghiệp ở các vị trí công tác. Khắc phục và giảm thiểu tối đa hàng hóa bị hư hỏng, giảm chi phí vật tư sửa chữa.

3. Tập trung đẩy nhanh phương án di dời nhà xưởng nhuộm để chủ động trong việc Thành phố sẽ thu hồi đất phía xưởng nhuộm trong dự án mở đường nhà Ga Sân bay Tân Sơn Nhất

4. Đề nghị HĐQT tiếp tục nâng cao và phát huy chất lượng, nội dung hoạt động, đảm bảo mọi nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết HĐQT được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc.

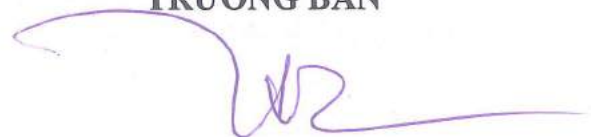
5. Tăng cường giải quyết hàng tồn kho để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn. Tăng cường thu hồi các khoản nợ tồn đọng, nợ khó đòi.

Trên đây là Báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát trong năm 2021 và NK 2017 – 2022. Định hướng nhiệm vụ của BKS trong năm 2022 và NK 2022-2027, Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên./.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, TCHC. Th131.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN THỊ KIM ANH

TỜ TRÌNH

Về mức trích các quỹ và mức chi trả cổ tức năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Dệt May 7.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dệt May 7 ban hành ngày 20/06/2017;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dệt May 7 kính trình Đại hội đồng cổ đông về tỷ lệ trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2021 và mức chi trả cổ tức năm 2021 như sau:

I. Trích các quỹ

1. Quỹ đầu tư phát triển : 15.093.510.209đ, bằng 30% LNST
2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 9.032.720.425đ
3. Quỹ thưởng của người quản lý Công ty: 279.000.000đ

II. Mức chi trả cổ tức

- Mức chi trả cổ tức năm 2021: tỷ lệ 17% (1.700đ/01 cổ phiếu; theo kế hoạch là 12%).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.Th131.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lại Thị Bảy

BÁO CÁO
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Dệt May 7.

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội v/v Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dệt May 7;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt;

Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo phương án chia lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

DVT: đồng

STT	Diễn giải	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế	50.604.100.695
2	Phân phối các quỹ	24.405.230.634
	- Quỹ đầu tư phát triển (30%)	15.093.510.209
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.032.720.425
	- Quỹ thưởng Người quản lý	279.000.000
3	Chia cổ tức: 17% (1.700đ/CP)	26.198.870.000

Ghi chú: Do tình hình dịch bệnh Covid-19 xảy ra từ đầu năm 2020 và tiếp tục diễn biến phức tạp khó lường vào năm 2021 làm ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu đặc biệt là ngành Dệt May. Do đó HĐQT đã xin ý kiến Đại hội để lại 10.252.266.975 đồng lợi nhuận sau thuế năm 2019 và năm 2020 để làm nguồn dự phòng cho tình hình SXKD năm 2021 (nếu có diễn biến xấu xảy ra do dịch bệnh covid-19 kéo dài). Tuy nhiên năm 2021 tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, tình hình sản xuất kinh doanh ổn định nên HĐQT đã xin ý kiến các cổ đông và đã chia cổ tức hết số lợi nhuận để lại vào tháng 01/2022.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, P.TCKT.V133.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 09 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Dệt May 7

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dệt May 7 ban hành ngày 20/06/2017;

Thực hiện mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị điều hành, tính công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty CP Dệt May 7 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty theo quy định của pháp luật và Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn.

2. Công ty kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2022 và được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết; có uy tín về chất lượng kiểm toán; có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

3. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

- Công ty TNHH PKF Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH dịch vụ và tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.
- Công ty TNHH DV TV tài chính kế toán và kiểm toán Phía nam-AASCS.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, P.TCHC. Th131.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Kim Anh

BÁO CÁO

**Tình hình chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị,
Ban Kiểm soát năm 2021 và dự kiến năm 2022**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Dệt May 7.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dệt May 7 ban hành ngày 20/06/2017;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt May 7 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và dự kiến năm 2022 như sau:

1. Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Công ty chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát năm 2021 như sau:

- Thành viên HĐQT (01 đ/c) : 5.600.000 đ/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000 đ/người/tháng
- Các TV Ban Kiểm soát (02 đ/c) : 2.000.000 đ/người/tháng

*** Tổng mức chi trả thù lao trong năm 2021 là: 151.200.000đ**

2. Dự kiến chi trả thù lao trong năm 2022

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát năm 2022, cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT (01 đồng chí) : 5.600.000 đ/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000đ/người/tháng
- Thành viên Ban Kiểm soát (02 đồng chí) : 2.000.000 đ/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.Th131.



Lại Thị Bảy

TỜ TRÌNH NỘI DUNG XIN Ý KIẾN
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Nhiệm kỳ II (2022 - 2027)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dệt May 7 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/6/2017;

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm nhiệm kỳ 2017-2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm nhiệm kỳ 2022-2027

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD 5 năm nhiệm kỳ 2017-2022:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
I.	Kết quả SXKD năm 2017			
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	762.942	763.006	100,0
2	Lợi nhuận (trước thuế)	52.625	40.118	76,2
3	Nộp ngân sách	57.779	41.930	72,6
4	Chi trả cổ tức năm 2017	5%	5,8%	116,0
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	3.929	4.559	116,0
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	9.000.000đ	13.753.861đ	152,8
II.	Kết quả SXKD năm 2018			
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	763.502	764.082	100,1
2	Lợi nhuận (trước thuế)	50.000	50.202	100,4
3	Nộp ngân sách	45.727	37.022	81,0
4	Chi trả cổ tức năm 2018	10%	12%	120,0
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	7.860	9.432	120,0
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	10.500.000đ	11.392.163đ	108,5
III.	Kết quả SXKD năm 2019			
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	786.921	794.893	101,0
2	Lợi nhuận (trước thuế)	53.716	54.109	100,7
3	Nộp ngân sách	41.072	40.377	98,3
4	Chi trả cổ tức năm 2019	12%	14,7%	122,5
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	9.432	11.606	123,0

6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	11.400.000đ	11.548.589đ	101,3
IV.	Kết quả SXKD năm 2020			
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	858.605	863.066	100,5
2	Lợi nhuận (trước thuế)	58.438	58.751	100,5
3	Nộp ngân sách	43.398	35.207	81,1
4	Chi trả cổ tức năm 2020	12%	15,9%	132,5
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	9.432	12.486	132,4
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	11.600.000đ	12.619.857đ	108,8
V.	Kết quả SXKD năm 2021			
1	Tổng doanh thu (trước thuế)	831.196	831.196	100,0
2	Lợi nhuận (trước thuế)	63.450	63.472	100,0
3	Nộp ngân sách	43.294	42.018	97,1
4	Chi trả cổ tức năm 2021	12%	17%	141,7
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	9.432	13.361	141,7
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.000.000đ	13.200.018đ	101,5

b) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD 5 năm nhiệm kỳ 2022-2027:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
I.	Kế hoạch SXKD năm 2022		
1	Tổng doanh thu thuần	897.698	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	68.526	
3	Nộp ngân sách	50.676	
4	Chi trả cổ tức năm 2022	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.200.000đ	
II.	Kết quả SXKD năm 2023		
1	Tổng doanh thu thuần	942.583	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	74.008	
3	Nộp ngân sách	51.912	
4	Chi trả cổ tức năm 2023	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.400.000đ	
III.	Kết quả SXKD năm 2024		
1	Tổng doanh thu thuần	989.712	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	79.929	
3	Nộp ngân sách	53.674	
4	Chi trả cổ tức năm 2024	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	13.700.000đ	
IV.	Kết quả SXKD năm 2025		
1	Tổng doanh thu thuần	1.039.198	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	86.323	

3	Nộp ngân sách	55.777	
4	Chỉ trả cổ tức năm 2025	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	14.000.000đ	
V. Kết quả SXKD năm 2026			
1	Tổng doanh thu thuần	1.091.158	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	93.228	
3	Nộp ngân sách	57.450	
4	Chỉ trả cổ tức năm 2026	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	14.300.000đ	
VI. Kết quả SXKD năm 2027			
1	Tổng doanh thu thuần	1.145.715	
2	Lợi nhuận (trước thuế)	100.686	
3	Nộp ngân sách	59.170	
4	Chỉ trả cổ tức năm 2027	17%	
5	Nộp cổ tức về Công ty Đông Hải	13.361	
6	Thu nhập Bình quân/người/tháng	14.600.000đ	

c) Kế hoạch thực hiện công tác đầu tư XDCB 5 năm nhiệm kỳ 2022-2027:

* Công tác đầu tư mua sắm MMTB mới: Công ty dự kiến đầu tư máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2022 – 2027 với tổng mức đầu tư là: 235,35 tỷ, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục đầu tư XDCB	ĐVT	Số lượng	Mức đầu tư
1	Máy nhuộm gián đoạn	Máy	7	
	- Máy công suất 2.000kg	Máy	2	39.000
	- Máy công suất 1.000kg	Máy	2	33.250
	- Máy công suất 700kg	Máy	1	12.700
	- Máy công suất 500kg	Máy	1	8.900
	- Máy mẫu công suất 50kg	Máy	1	6.400
2	Máy đốt lông	Máy	1	21.550
3	Hệ thống sản xuất vải Len			
	- Máy cào lông 1 trống	Máy	1	4.500
	- Máy xén lông	Máy	1	6.000
	- Máy định hình ướt	Máy	1	33.600
	- Máy giặt	Máy	1	14.650
	- Máy là cán	Máy	1	12.550
	- Máy hấp	Máy	1	8.650
4	Lò hơi 20 tấn/h	Lò	1	24.000
5	Dây chuyền và máy chuyên dùng cho ngành may	Bộ	1	9.600
Tổng cộng:				235.350

* Tổng mức chi phí:

- Chi phí mặt bằng nhà xưởng : 150.000 triệu đồng
- Chi phí di dời, lắp đặt MMTB : 20.000 triệu đồng

- Chi phí đầu tư MMTB : 235.350 triệu đồng
* **Tổng cộng** : 405.350 triệu đồng

* Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn khấu hao và Quỹ đầu tư phát triển hàng năm

- Huy động vốn bằng các hình thức:

+ Vay vốn ngân hàng

+ Vay vốn của các tổ chức và cá nhân, tập thể.

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2022, kế hoạch hoạt động năm 2022, nhiệm kỳ 2022-2027.

3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021. (*Bảng phân phối lợi nhuận và cân đối kế toán*).

4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2022, kế hoạch hoạt động năm 2022, nhiệm kỳ 2022-2027.

5. Thông qua chủ trương lựa chọn tổ chức kiểm toán trong các Công ty kiểm toán có đủ điều kiện, uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam theo đề xuất của Ban kiểm soát Công ty để cung cấp dịch vụ kiểm toán, soát xét các báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

- Công ty TNHH PKF Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH dịch vụ và tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

- Công ty TNHH DV TV tài chính kế toán và kiểm toán Phía nam-AASCS

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong ba tổ chức kiểm toán để cung cấp dịch vụ kiểm toán, soát xét các báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

6. Thông qua mức trích các quỹ năm 2021 và mức chi trả cổ tức năm 2021.

1. Quỹ đầu tư phát triển : 15.093.510.209 đồng

2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 9.032.720.425 đồng

3. Quỹ thưởng của người QL : 279.000.000 đồng

4. Mức chi trả cổ tức : Tỷ lệ 17%/cổ phần

7. Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và dự kiến năm 2022.

a. Mức chi trả năm 2021

- Thành viên HĐQT : 5.600.000đ/người/tháng

- Trưởng Ban Kiểm soát : 3.000.000đ/người/tháng

- Các TV Ban Kiểm soát : 2.000.000đ/người/tháng

+ *Tổng mức chi trả thù lao trong năm 2021 là: 151.200.000 đồng.*

b. Dự kiến mức chi trả năm 2022.

- Thành viên HĐQT (01 đồng chí) : 5.600.000đ/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000đ/người/tháng
- Thành viên Ban Kiểm soát (02 đồng chí) : 2.000.000đ/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Các cổ đông;
- Lưu: VT, TCHC.Th131.



Lại Thị Bảy

Tân Bình, ngày 09 tháng 6 năm 2022

**QUY CHẾ BẦU CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2022-2027**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2022-2027 (gọi tắt là: Đại hội) của Công ty Cổ phần Dệt May 7 (gọi tắt là Công ty).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban kiểm soát; nguyên tắc, đối tượng thực hiện bầu cử; phương thức bầu cử và nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**Chương II
ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
3. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 5. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành

viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Điều kiện đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít hơn 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào HĐQT;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào HĐQT;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào HĐQT.

Điều 6. Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022-2027

Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 là năm (05) thành viên.

Điều 7. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Đơn xin đề cử tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu);
2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);

3. Bản sao CMTND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

Điều 8. Lựa chọn các ứng viên

Dựa trên các Đơn xin đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội cổ đông của Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình đại hội cổ đông để bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Chương III

ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp;

3. Có kinh nghiệm công tác từ ba (03) năm trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty và hiểu biết về pháp luật;

4. Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

5. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

6. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của

Công ty;

7. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

8. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

9. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

10. Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 10. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít hơn 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

0509
CÔNG
CỔ PHẦN
ĐỆM M
BÌNH - T

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Ban kiểm soát;

Điều 11. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027

Số lượng Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 là ba (03) thành viên.

Điều 12. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Đơn xin đề cử tham gia Ban kiểm soát (theo mẫu);
2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
3. Bản sao CMTND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

Điều 13. Lựa chọn các ứng viên

Dựa trên các Đơn xin đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội cổ đông của Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình đại hội cổ đông để bầu thành viên Ban kiểm soát.

Chương IV

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1. Bầu cử bình đẳng, công khai
2. Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ đảm bảo tính dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông.
3. Đối tượng có quyền bầu cử: Là cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (Có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 07/6/2022) có mặt tại Đại hội thời điểm biểu quyết, được đăng ký và ký tên trong danh sách cổ đông dự họp.

Điều 15. Ban kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu là cơ quan giúp việc bầu cử của Đại hội gồm những cổ đông, nhưng không phải là người ứng cử, đề cử vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Số lượng là 05 đồng chí (trong đó có một trưởng ban và 04 ủy viên), nhân sự Ban Kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, đề cử, Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chấp thuận.

Điều 16. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, kiểm tra và niêm phong hòm phiếu.

- Kiểm tra số lượng cổ đông trước khi bầu cử; phát phiếu, thu phiếu và kiểm tra phiếu bầu.

- Xem xét và kết luận các phiếu bầu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử báo cáo Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử, danh sách những người trúng cử Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

- Niêm phong phiếu bầu, bàn giao biên bản, phiếu bầu cho Đoàn Chủ tịch Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Phương thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên, nhưng không quá số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cần bầu.

Điều 18. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Mỗi cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử được nhận 01 phiếu bầu Hội đồng quản trị (Màu xanh) và 01 phiếu bầu Ban kiểm soát (Màu vàng) có đóng dấu của Công ty phía trên bên trái phiếu bầu. Giá trị biểu quyết của phiếu bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị (5 người) và Ban Kiểm soát (3 người) và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Danh sách ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được lập trên cơ sở ứng cử, đề cử của các cổ đông và thể hiện đầy đủ trên phiếu bầu. Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 đã lập danh sách, công bố bản tóm tắt lý lịch của các thành viên ứng cử và kiểm tra lại danh sách trước khi tiến hành bầu cử để đảm bảo không vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty.

3. Phiếu bầu do Ban kiểm phiếu phát hành có ghi rõ số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu. Cổ đông, đại diện cổ đông khi nhận được phiếu bầu phải kiểm tra số cổ phần có quyền biểu quyết ghi trên phiếu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Chủ tọa hoặc Ban bầu cử.

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số tham dự;

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.

4. Nguyên tắc bầu dồn phiếu

782
TY
AN
AY
PH

(Theo hướng dẫn quy định tại phụ lục đính kèm theo Quy chế này)

Điều 19. Phiếu hợp lệ và phiếu không hợp lệ

1. Phiếu hợp lệ

- Là phiếu do Ban kiểm phiếu phát ra.
- Phiếu bầu đủ số lượng trên tổng số quyền bầu.
- Phiếu không thuộc các trường hợp phiếu không hợp lệ quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Phiếu không hợp lệ

- Là phiếu không do Ban kiểm phiếu phát ra, không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty.
- Phiếu có tổng số phiếu bầu đã bầu cho ứng cử viên (do người bầu tự cộng) lớn hơn tổng số quyền bầu ghi sẵn trên phiếu.
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông ký tên vào phiếu bầu.
- Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử, đề cử đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
- Phiếu không bầu cho ai
- Phiếu gạch xóa hết tên những ứng cử viên (Phiếu trắng).
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung (Trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới).

Điều 20. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Nguyên tắc bỏ phiếu: Ban kiểm phiếu kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông có mặt tại Đại hội. Việc bỏ phiếu được bắt đầu sau khi đã phát phiếu bầu, cổ đông tiến hành bầu cử xong và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

2. Ban kiểm phiếu kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu, kiểm tra lần lượt phiếu bầu và ghi kết quả kiểm phiếu bằng văn bản.

Điều 21. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

1. Người trúng cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này. Trường hợp có ít nhất 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau, thì tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 22. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu
2. Toàn văn biên bản kiểm phiếu phải được trưng bày công bố trước Đại hội.

Điều 23. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

1. Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử, Ban kiểm soát sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót, cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban kiểm phiếu phải chịu bồi hoàn toàn bộ chi phí do phải tổ chức bầu cử lại.

2. Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội họp giải quyết và ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này gồm 5 chương 24 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông và các thành viên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, TCHC. Th131.



